**ĐỀ THI KTHP DƯỢC 5**

**ĐỀ THI DƯỢC 05**

1. Trong tiến hành hoạch định, sau bước xây dựng các chiến lược dự thảo sẽ đến bước
2. Kiểm tra và đánh giá kết quả
3. Triển khai kế hoạch tác nghiệp
4. Đưa ra chiến lược dự thảo
5. Triển khai kế hoạch
6. **Triển khai kế hoạch chiến lược**
7. Quản trị được thực hiện trong một tổ chức nhằm
8. Tổ chức cơ cấu bộ máy tối ưu
9. Tối đa hóa lợi nhuận
10. Đạt được mục tiêu của tổ chức với hiệu suất cao
11. Sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn lực
12. **Đạt mục tiêu của tổ chức**
13. .... Phản ánh nhận thức của con người về những chuẩn mực đạo đức mà họ cho rằng cần phải thực hiện
14. Niềm tin
15. Thái độ
16. **Giá trị**
17. Triết lý kinh doanh
18. Lý tưởng
19. Đối thủ cạnh tranh thuộc môi trường kinh doanh nào của doanh nghiệp
    1. Mt vĩ mô
    2. Cạnh tranh
    3. Chính trị
    4. Kinh tế
    5. **Đặc thù**
20. Mối quan hệ giữa các cấp bậc quản trị và kỹ năng quản trị:
21. **Cấp bậc quản trị càng thấp, kỹ năng chuyên môn càng quan trọng**
22. Cấp bậc quản trị càng cao, kỹ năng giao tiếp càng ít quan trọng
23. Cấp bậc quản trị càng cao, kỹ năng chuyên môn càng quan trọng
24. Các kỹ năng đều có tầm quan trọng như nhau trong tất cả các cấp quản trị
25. Cấp bậc quản trị càng thấp, kỹ năng tư duy càng quan trọng
26. Chức năng nào sau đây là chức năng cơ bản và quan trọng nhất của nhà quản trị cấp cao:
    1. **Hoạch định**
    2. Tổ chức
    3. Kiểm soát
    4. Chuyên môn
    5. Lãnh đạo
27. Ra quyết định là một nội dung của chức năng quản trị nào
    1. Kiểm tra
    2. **Lãnh đạo**
    3. Tạo ra spham, dịch vụ phục vụ khách hàng
    4. Lập kế hoạch
    5. Tổ chức
28. Trong quản trị nguồn nhân lực, hoạt động đánh giá kết quả thực hiện công việc thuộc nhóm chức năng nào:
    1. **Duy trì nguồn nhân lực**
    2. Phát triển nguồn nhân lực
    3. Đánh giá nhl
    4. Đào tạo nhl
    5. Hoạch định nhl
29. Mối quan hệ giữa các cấp bậc quản trị và kỹ năng quản trị:
    1. Cấp bậc quản trị càng thấp, kỹ năng nhân sự càng quan trọng
    2. Cấp bậc quản trị càng cao, kỹ năng kỹ thuật càng quan trọng
    3. Cấp bậc quản trị càng thấp, kỹ năng tư duy càng quan trọng
    4. Các kỹ năng đều có tầm quan trọng như nhau trong tất cả các cấp quản trị
    5. **Kỹ năng nhân sự đều có vai trò quan trọng trong tất cả các cấp bậc**
30. Giai đoạn 90 đến nay, yếu tố nào đóng vai trò quyết định đến cạnh tranh của doanh nghiệp
    1. Công nghệ thông tin
    2. **Quản trị nhân sự**
    3. Sản xuất
    4. Marketing
    5. Tài chính
31. Các doanh nghiệp nên lựa chọn:
    1. **CC tổ chức phù hợp**
    2. CC tổ chức theo chức năng
    3. CC tổ chức ma trận
    4. CC tổ chức theo tuyến- chức năng
    5. CC tổ chức theo trực tuyến
32. Chức năng quan trọng nhất đối với giám đốc bệnh viện là:
    1. **Hoạch định**
    2. Kiểm tra
    3. Tổ chức
    4. Giao tiếp
    5. Lãnh đạo
33. Phân tích các điểm mạnh điểm yếu của doanh nghiệp là bước thứ mấy trong tiến trình hoạch định chiến lược:
    1. 6
    2. 5
    3. 4
    4. 2
    5. **3**
34. Môi trường kinh doanh của doanh nghiệp có đặc điểm sau, NGOẠI TRỪ
    1. MTKD có tính tổng thể
    2. MTKD bao gồm nhiều yếu tố cấu thành có quan hệ qua lại ràng buộc lẫn nhau
    3. **MTKD thường ổn địn**h
    4. MTKD tồn tại một cách khách quan
    5. MTKD của DN là một hệ thống mở
35. Trong nội dung khái quát quản trị nguồn nhân lực, sau kiểm tra hoạch định và dự báo nguồn nhân lực sẽ tiến hành bước:
    1. Hệ thống chính sách lao động, tiền lương, thi đua
    2. Đánh giá thành tính cá nhân
    3. **Tuyển chọn nguồn nhân lực**
    4. Phân công lao động
    5. Đào tạo, huấn luyện và phát triển nhân lực
36. PP phân tích SWOT có hạn chế nào
    1. Mất nhiều thời gian
    2. Khó đánh giá mục tiêu
    3. Tính khả thi thấp
    4. Tính thực tế thấp
    5. **Phụ thuộc nhiều vào trình độ tư duy người đánh giá**
37. Hai nguyên nhân chính yếu đòi hỏi các nhà quản trị phải thi hành các hoạt động hoạch định là ….. và môi trường kinh doanh luôn thay đổi:
    1. Cạnh tranh trên thị trường
    2. Doanh nghiệp còn tồn tại những điểm yếu
    3. Nguồn nhân lực kém
    4. Nguồn vốn hạn chế
    5. **Nguồn tài nguyên hạn chế**
38. Theo quan điểm kinh tế học hiện đại, môi trường kinh doanh của doanh nghiệp là:
    1. Tất cả các lực lượng tồn tại xung quanh doanh nghiệp
    2. Tập hợp các lực lượng bên ngoài có ảnh hưởng đến khả năng tồn tại và phát triển của DN
    3. Tất cả các yếu tố ảnh hưởng đến doanh nghiệp
    4. Tập hợp các lực lượng bên trong có ảnh hưởng đến khả năng tồn tại và phát triển của DN
    5. **Tập hợp các lực lượng bên trong và bên ngoài có ảnh hưởng đến khả năng tồn tại và phát triển của DN**
39. Khi có một thông tin sai lệch gây bất lợi cho sản phẩm thuốc đang lưu hành trên thị trường, nhà quản trị cần làm gì?
    1. Nhờ các nhóm áp lực và cơ quan nhà nước can thiệp
    2. Thu hồi sản phẩm trên thị trường và nhờ cơ quan nhà nước can thiệp
    3. **Tìm hiểu thông tin, thuyết phục khách hàng và nhờ cơ quan nhà nước can thiệp**
    4. Công kích lại đối thủ cạnh tranh, và thu hồi sản phẩm
    5. Giải thích với khách hàng
40. Để mục tiêu của tổ chức được hoàn thành có hiệu quả, các nhà quản trị cần:
    1. Không cần phải kiểm tra mã để các đối tượng tự kiểm tra
    2. Kiểm tra theo kiểu ngẫu nhiên
    3. **Phải kiểm tra tất cả các lĩnh vực hoạt động, các yếu tố trong tổ chứ**c
    4. Chỉ kiểm tra các yếu tố có thể đo lường
    5. Kiểm tra các lĩnh vực hoạt động thiết yếu và các điểm kiểm tra thiết yếu
41. Phân tích cung cầu nguồn nhân lực là nội dung thuộc bước nào của quản trị nguồn nhân lực:
    1. **Hoạch định**
    2. Đánh giá nguồn nhân lực
    3. Tuyển dụng
    4. Đánh giá tình hình nhân lực hiện tại
    5. Đào tạo
42. Kỹ thuật SWOT được dùng để:
    1. Xác định điểm mạnh, điểm yếu của từng doanh nghiệp
    2. Tổng hợp các thông tin từ phân tích môi trường
    3. **Xác định các phương án kết hợp từ kết quả phân tích môi trường xây dựng chiến lược**
    4. Xác định cơ hội, đe dọa đến doanh nghiệp
43. Đối tượng chủ yếu của quản trị:
    1. Các giao tiếp, ứng xử
    2. Kho tàng máy móc
    3. Nguyên vật liệu
    4. Phương thức thanh toán
    5. **Tập thể con người**
44. Các pp quản trị là tổng thể các cách thức tác động có thể và chủ đích của chủ thể quản trị lên …… và khách thể quản trị để đạt được những mục tiêu đề ra
    1. **Đối tượng quản trị**
    2. Chủ thể quản trị
    3. Môi trường kinh doanh
    4. Đơn vị thừa hành
    5. Nhà quản trị cấp cơ sở
45. Quá trình thu hút người có trình độ vào tổ chức, lựa chọn người đáp ứng yêu cầu công việc trong những ứng viên xin việc rồi sắp xếp hợp lý nhân viên vào các vị trí khác nhau trong tổ chức gọi là:
    1. **Biên chế nhân lực**
    2. Phân tích, thiết kế công việc
    3. Duy trì các mối quan hệ lao động
    4. Kế hoạch hóa nhân lực
    5. Định hướng nghề nghiệp
46. Quản trị cần thiết cho:
    1. **Tất cả các doanh nghiệp**
    2. Các đơn vị hành chính sự nghiệp
    3. Các tổ chức vì lợi nhuận và phi lợi nhuận
    4. Các DN lớn
    5. Các DN hoạt động sx kinh doanh
47. Kỹ năng chuyên môn của trưởng khoa dược bệnh viện là:
    1. **Dự báo tình hình bệnh tật, sử dụng thuốc để đưa ra quyết định nhập số lượng, chủng loại thuốc phù hợp**
    2. Tạo niềm tin và sự ủng hộ nơi bác sĩ bệnh nhân, hợp tác chặt chẽ với bác sĩ để đáp ứng nhu cầu cung ứng thuốc
    3. Tuyển dụng nhân sự
    4. Nhận diện các tương tác thuốc trong đơn bác sĩ kê
    5. Tổ chức, sắp xếp nhân viên, khuyến khích nhân viên hoàn thành tốt công việc.
48. Các cá nhân trong một phòng, ban có thể dễ dàng được đào tạo trên cơ sở kiến thức, sự đào tạo và kinh nghiệm của người khác là ưu điểm của cơ cấu tổ chức nào?
    1. Cơ cấu trực tuyến
    2. Cc theo khu vực
    3. **Cc chức năng**
    4. Cc ma trận
    5. Cc theo sản phẩm
49. Khả năng nào dưới đây thuộc nhóm kỹ năng chuyên môn
    1. Khả năng nhận dạng cơ hội để đổi mới
    2. KN xây dựng mạng lưới quan hệ
    3. KN nhận ra nơi có vấn đề và đưa ra giải pháp
    4. KN thuyết trình
    5. **KN vận dụng quy trình kỹ thuậ**t
50. Có tầm nhìn xa trông rộng, kỹ năng hoạch định, ra quyết định… thuộc về kỹ năng nào của nhà quản trị:
    1. Lãnh đạo
    2. **Tư duy**
    3. Hoạch định
    4. Giao tiếp
    5. Chuyên môn
51. Cơ cấu tổ chức nào có ưu điểm cho phép nhận ra những thay đổi bên ngoài:
    1. Cơ cấu chức năng
    2. Cc ma trận
    3. Cc theo khu vực
    4. **Cc theo sản phẩm, dịch vụ, khách hàng**
    5. Cc trực tuyến
52. Chỉ số trí tuệ IQ từ 90-110 là chỉ số của người
    1. Rất thông minh 120-130
    2. Ngu 70-80
    3. Thần đồng 130-140
    4. Kém 80-90
    5. **Bình thường** 90-110
53. Nhược điểm của thu hút ứng cử viên từ nguồn bên ngoài:
    1. Cơ hội lựa chọn lớn
    2. Có thể lựa chọn được những người có phong cách làm việc mới
    3. Có thể gây mâu thuẫn nội bộ
    4. **Khả năng lầm lẫn cao**
    5. Không tận dụng khả năng và phương pháp làm việc mới từ bên ngoài
54. Đưa ra những sản phẩm mới thâm nhập những thị trường mới là chiến lược
    1. Mở rộng thị trường
    2. Phát triển sản phẩm
    3. Thâm nhập thị trường
    4. **Đa dạng hóa kinh doanh**
    5. Tập trung vào khách hàng
55. Yếu tố nào sau đây không thuộc mô hình phân tích đối thủ cạnh tranh:

A. **Nhân sự.** B. Giả định. C. Mục tiêu. D. Chiến lược hiện tại. E. Nguồn lực

1. R trong phương pháp phân tích SMART có nghĩa là:

A. Mục tiêu phải rõ ràng. B. Mục tiêu đo lường được.

C. Mục tiêu có thể đạt được. D. Mục tiêu có thời hạn.

**E. Mục tiêu thực tế**.

1. Có bao nhiêu yếu tố căn bản của phương pháp quản lý MBO:

A. 5. B. 3. C. 2. D. 6. **E. 4.**

1. Phân loại theo phạm vi thì môi trường kinh doanh của doanh nghiệp gồm mấy loại môi trường:

**A. 5 loại.** B. 4 loại. C. 3 loại. D. 6 loại. E. 7 loại.

1. Một trong các phương pháp phân tích của quản trị học nhằm đánh giá mục tiêu, chiến lược là phương pháp:

A. Phương pháp phân tích SWOT. B. Phương pháp phân tích 7S.

C. Phương pháp phân tích 3C. D. Phương pháp phân tích PEST.

**E. Phương pháp phân tích SMART.**

1. Hiệu quả công việc khi sử dụng phương pháp quản lý MBO

A. Kiểm soát được công việc chi tiết

B. **Đảm bảo theo mục tiêu đề ra**

C. Làm việc đúng

D. Thuận lợi cho công việc, khó xác định mục tiêu

E. Thể hiện được vai trò của nhà quản trị cấp cơ sở

1. Nguyên tắc nào sau đây không thuộc nguyên tắc quản trị chất lượng đồng bộ TQM:

A. Chất lượng sản phẩm B. Nhu cầu người tiêu dùng

C. Quản lý chức năng

D. Thông tin **E. Quan hệ nhà cung cấp**

1. Sơ đồ nhân quả sử dụng trong quản trị chất lượng đề cập đến 4 yếu tố sau:

A. Phương pháp, nguyên liệu, tài chính, tài sản cố định

B. Con người, marketing, tài chính, môi trường

C. Tài sản cố định, công nghệ, thương hiệu, con người

D. Tài sản cố định, thương hiệu, công nghệ, tài chính

**E. Con người, máy móc, phương pháp, nguyên liệu**

1. Trong trường phái quản trị khoa học, nhà khoa học nào đưa ra lý thuyết hệ thống thường vượt định mức:

A. Henry Fayol B. Max Weber C. Hugo Musterberg

**D. Henry L.Gant** E. Elton Mayo

49. Chiến lược mở rộng thị trường bao hàm việc tìm kiếm những thị trường mới cho ....

A. Người tiêu dùng. B. Sản phẩm mới. **C. Sản phẩm hiện có.**

D. Sản phẩm cạnh tranh. E. Tất cả đều đúng.

50. Quy luật tâm lý trong bán hàng => thói quen người tiêu dùng

51. ST là gì?

=> sử dụng những điểm mạnh của bản thân để giảm bớt những nguy cơ đe dọa từ thị trường

52. 1990- nay, yếu tố nào quyết định đem lại lợi thế cạnh tranh

=> Quản trị nguồn nhân lực

53. Mục tiêu đào tạo của quản trị nhân sự là gì?

=> Giúp cho nhân viên thích nghi và vị trí công tác của họ

54. Lợi thế cạnh tranh trong quản trị nguồn nhân lực

=> Chất lượng nguồn nhân lực

55. Phân tích cung-cầu nguồn nhân lực là nội dung thuộc bước nào của quản trị nguồn nhân lực

A. Tuyển dụng

B. Hoạch định

C. Đánh giá tình hình nhân lực hiện tại

D. Đào tạo

56. Hạn chế của phương pháp triển khai mục tiêu từ cấp công ty đến cấp bộ phận là:

A. Không khuyến khích các bộ phận tham gia hoạch định mục tiêu.

B. Kết quả không phù hợp với mong muốn của ban giám đốc.

C. Tốn kém chi phí.

D. Chậm về mặt thời gian.

57. Bước thực hiện mục tiêu của phương pháp quản lý MBO là bước mấy

=> bước 3

58. Đặc điểm về kết quả công việc của MBO

=> Đảm bảo theo mục tiêu đề ra

59. Hạn chế của phân công lao động quá mức

=> sẽ gây nhàm chán mệt mỏi

60. Tầm quản trị hẹp có nhược điểm gì?

=> truyền đạt thông tin đến cấp dưới chậm

61. Đáp án nào đúng về tầm quản trị?

=> Tầm quản trị hẹp có truyền đạt thông tin đến cấp dưới chậm

62. Hai nguyên nhân chính yếu đòi hỏi các nhà quản trị phải tiến hành các hoạt động hoạch định là … và môi trường kinh doanh luôn thay đổi

**A. Nguồn tài nguyên hạn chế**

B. Cạnh tranh trên thị trường

C. Nguồn nhân lực kém

D. Nguồn vốn hạn chế

63. Cách thức sử dụng quyền hành nào nên được chọn trong các doanh nghiệp?

A. Cưỡng bức

B. Mua chuộc

C. Kết thân

D. Tuỳ thuộc mỗi cá nhân mà áp dụng

64. Ưu điểm của cấu trúc trực tuyến => chế độ trách nhiệm rõ ràng

65. Có mấy yếu tố trong môi trường nội bộ => 6 yếu tố

66. Những yếu tố của môi trường vĩ mô

=> kinh tế, chính trị, xã hội, kỹ thuật, tự nhiên, dân số

67. Đối thủ cạnh tranh ở trong môi trường nào? => Môi trường đặc thù

68. Là hoạt động bên trong được thực hiện tốt, là trung tâm cho khả năng cạnh tranh và lợi nhuận của công ty => năng lực nòng cốt

69. Theo bậc kiểm soát cấp 4 có 256 đơn vị…, hỏi cần bao nhiêu cấp quản trị

A.3

B. 4

C. 5

D.6

70. Theo bậc kiểm soát 6 có …. nhân sự, hỏi cần bao nhiêu nhà quản trị

=> có 1555

71. Ai là người cùng lý thuyết quản trị với Henry L.Gant

=> Ông bà Gibreth.

72. Nhà quản trị Max Weber thuộc trường phái quản trị nào?

=> Quản trị hành chính( trong đáp án cũng không có thư lại để mà chọn đâu, hahahaha)

73. Đặc điểm của trường phái quản trị Nhật Bản

A. Đào tạo liên tục

B. Lương theo năng lực

C. Thu phục suốt đời

D. quên rồi☺

74. Phương pháp dựa vào mối quan hệ tổ chức của hệ thống quản trị và kỷ luật của hệ thống

=> phương pháp hành chính

75. Phương pháp mà tác động vào nhận thức và tỉnh cảm của người lao động nhằm nâng cao tính tự giác, nhiệt tình của họ trong việc thực hiện nhiệm vụ?

=> phương pháp tâm lý

76. Chức năng cốt lõi của quản trị là?

A. Hoạch định

B. Tổ chức

C. Lãnh đạo

D. Kiểm tra

**Câu 1:** Loại cơ cấu tổ chức phù hợp với đặc điểm của tổ chức có khách hàng ổn định:

A. Cơ cấu chức năng. B. Cơ cấu theo sản phẩm.

C. Cơ cấu theo khu vực địa lý. D. Cơ cấu trực tuyến.

E. Cơ cấu ma trận.

**Câu 2:** Đặc điểm nào sau đây không thuộc phong cách lãnh đạo độc đoán:

A. Nhân viên ít thích lãnh đạo.

B. Hiệu quả làm việc cao khi có mặt lãnh đạo.

C. Không khí trong tổ chức gây hấn, phụ thuộc cá nhân.

D. Người lãnh đạo vắng mặt thường xuyên.

E. Hiệu quả làm việc thấp khi không có mặt lãnh đạo.

**Câu 3:** Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của tổ chức là bước thứ mấy trong tiến trình hoạch định chiến lược:

A. Bước 3. B. Bước 4. C. Bước 5. D. Bước 2. E. Bước 6.

**Câu 4:** Có bao nhiêu phương pháp dự đoán cầu nhân lực dài hạn:

A. 2 phương pháp. B. 3 phương pháp. C. 4 phương pháp.  D. 5 phương pháp.   E. 6 phương pháp.

**Câu 5:** Hoạt động trong môi trường cạnh tranh cao thì nên chọn loại cơ cấu nào:

A. Dịch vụ B. Chức năng. C. Sản phẩm. D. Ma trận. E. Tham mưu.

**Câu 6:** Quản trị con người phải dùng ân và dùng uy là phương pháp quản trị nào:

A. Phương pháp xã hội học. B. Phương pháo kinh tế.

C. Phương pháp hành chính. D. Phương pháp tâm lý.

E. Phương pháp pháp lý.

**Câu 7:** Loại cơ cấu tổ chức phù hợp với đặc điểm tổ chức có phạm vi hoạt động toàn cầu hay quốc tế:

A. Cơ cấu theo sản phẩm. B. Cơ cấu chức năng.

C. Cơ cấu trực tuyến. D. Cơ cấu theo khu vực.

E. Cơ cấu ma trận.

**Câu 8:** Yếu tố nào sau đây không thuộc mô hình phân tích đối thủ cạnh tranh:

A. Nhân sự. B. Giả định. C. Mục tiêu. D. Chiến lược hiện tại. E. Nguồn lực

**Câu 9:** Lý thuyết quản trị của Fayol được gọi là:

A. Lý thuyết tổ chức. B. Lý thuyết quản trị kinh doanh.

C. Lý thuyết quản trị tổng quát. D. Lý thuyết hành chính.

E. Lý thuyết quản trị hành vi.

**Câu 10:** R trong phương pháp phân tích SMART có nghĩa là:

A. Mục tiêu phải rõ ràng. B. Mục tiêu đo lường được.

C. Mục tiêu có thể đạt được. D. Mục tiêu có thời hạn.

E. Mục tiêu thực tế.

**Câu 11:** Trọng tâm của khuynh hướng quản trị theo quá trình:

A. Các thành viên của tổ chức. B. Công nghệ.

C. Tổ chức. D. Khách hàng. E. Tất cả đều sai.

**Câu 12:** Khách hàng của doanh nghiệp có thể chia thành mấy loại:

A. 2 loại. B. 3 loại. C. 4 loại. D. 5 loại. E. 6 loại.

**Câu 13:** Các trường phái quản trị cổ điển không bao gồm:

A. Trường phái quản trị kiểu thư lại. B. Trường phái quản trị khoa học.

C. Trường phái quản trị hành chính. D. Trườn phái quản trị hệ thống.

E. Tất cả đều đúng.

**Câu 14:** Trường phái quản trị hành vi, nhà khoa học nào là người đưa ra lý thuyết nhu cầu vật chất và phi vật chất:

A. Max Weber. B. Hugo Masterberg. C. Elton Mayo.

D. Mary P.Follet. E. Donglas Gregor.

**Câu 15:** Hoạch định là chức năng cơ bản và quan trọng của nhà quản trị kinh doanh, đặc biệt của nhà quản trị:

A. Nhà quản trị cấp cao. B. Nhà quản trị cấp giữa.

C. Nhà quản trị cấp cơ sở. D. Người lao động trực tiếp.

E. Tất cả đều sai.

**Câu 16:** Có bao nhiêu yếu tố căn bản của phương pháp quản lý MBO:

A. 5. B. 3. C. 2. D. 6. E. 4.

**Câu 17:** Trong tuyển dụng nguồn nhân lực có bao nhiêu hình thức phỏng vấn:

A. 2. B. 3. C. 4. D. 5. E. 6.

**Câu 18:** Yếu tố nào thuộc ưu điểm của cơ cấu theo khu vực địa lý:

A. Thúc đẩy sự hợp tác để hoàn thành mục tiêu chung của tổ chức.

B. Bộ máy tổ chức khá cồng kềnh.

C. Cung cấp sự thích nghi và linh hoạt trong việc thoả mãn các nhu cầu của nhóm bên ngoài quan trọng.

D. Linh hoạt điều động nhân sự giữa các bộ phận.

E. Các nguồn nguyên liệu, lao động tại chỗ sử dụng cho sản xuất cho phép tiết kiệm thời gian và chi phí.

**Câu 19:** Cơ hội được tạo ra bằng cách phát triển những sản phẩm mới, hay cải tiến những sản phẩm hiện có bằng cách cải tiến về chất lượng, tăng thêm tính năng sử dụng, là chiến lược

A. Chiến lược thâm nhập thị trường. B. Chiến lược phát triển sản phẩm.

C. Chiến lược mở rộng thị trường. D. Chiến lược đa dạng hoá kinh doanh.

E. Tất cả đều đúng.

**Câu 20:** Tình trạng quản lý cấp tột đỉnh quá tải có thể diễn ra ở cấu trúc tổ chức doanh nghiệp nào:

A. Trực tuyến. B. Trực tuyến chức năng. C. Tham mưu.

D. Sản phảm dịch vụ. E. Chức năng.

**Câu 21:** Phân loại theo phạm vi thì môi trường kinh doanh của doanh nghiệp gồm mấy loại môi trường:

A. 5 loại. B. 4 loại. C. 3 loại. D. 6 loại. E. 7 loại.

**Câu 22:** Kỹ năng nào là quan trọng nhất đối với nhà quản trị cấp cơ sở:

A. Kỹ năng chuyên môn. B. Kỹ năng nhân sự. C. Kỹ năng tư duy.

D. Kỹ năng giao tiếp. E. Tất cả đều sai.

**Câu 23:** Hạn chế của quản trị khoa học cổ điển:

A. Nguyên tắc cứng nhắc.

B. Tốc độ ra quyết định chậm.

C. Không quan tâm đến các nhu cầu xã hội của con người.

D. Không đề cập đến môi trường.

E. Không chú trọng đến tính hợp lý trong hành động của nhà quản trị.

**Câu 24:** Hạn chế của việc tuyển dụng nhân lực bên trong doanh nghiệp:

A. Mất nhiều thời gian.

B. Người lao động chưa quen với môi trường làm việc mới.

C. Chi phí tuyển dụng cao.

D. Gây hiện tượng co cứng giảm tính sáng tạo.

E. Huấn luyện từ ban đầu.

**Câu 25:** Triển khai kế hoạch tác nghiệp là bước mấy trong tiến trình hoạch định chiến lược:

A. Bước 4. B. Bước 5. C. Bước 6. D. Bước 7. E. Bước 8.

**Câu 26:** Các bước trong quy trình tuyển dụng là:

A. Chuẩn bị tuyển dụng, nghiên cứu và phân loại, phỏng vấn sơ bộ, phỏng vấn sâu, khám sức khoẻ, thẩm tra, quyết định và hoà nhập.

B. Chuẩn bị tuyển dụng, nghiên cứu và phân loại, phỏng vấn sơ bộ, trắc nghiệm, phỏng vấn sâu, khám sức khoẻ, thẩm tra, quyết định và hoà nhập.

C. Chuẩn bị tuyển dụng, nghiên cứu và phân loại, phỏng vấn sơ bộ, phỏng vấn sâu, quyết định và hoà nhập.

D. Chuẩn bị tuyển dụng, nghiên cứu và phân loại, phỏng vấn sơ bộ, quyết định và hoà nhập.

E. Chuẩn bị tuyển dụng, nghiên cứu và phân loại, phỏng vấn sơ bộ, trắc nghiệm, phỏng vấn sâu.

**Câu 27:** Ở góc độ người sản xuất, chất lượng sản phẩm thường được đánh giá trên phương diện sau:

A. Chất lượng kinh tế. B. Chất lượng kiểm nghiệm. C. Chất lượng cảm nhận.

D. Chất lượng tin tưởng. E. Chất lượng đánh giá.

**Câu 28:** Loại cơ cấu tổ chức phù hợp với đặc điểm tổ chức hoạt động trong một môi trường cnahj tranh cao và công nghệ thay đổi nhanh:

A. Cơ cấu trực tuyến. B. Cơ cấu ma trận. C. Cơ cấu chức năng.

D. Cơ cấu theo khu vực. E. Cơ cấu theo sản phẩm.

**Câu 29:** Quản trị cổ điển gồm mấy trường phái:

A. 2. B. 3. C. 4. D. 5. E. 6.

**Câu 30:** Một trong các phương pháp phân tích của quản trị học nhằm đánh giá mục tiêu, chiến lược là phương pháp:

A. Phương pháp phân tích SWOT. B. Phương pháp phân tích 7S.

C. Phương pháp phân tích 3C. D. Phương pháp phân tích PEST.

E. Phương pháp phân tích SMART.

**Câu 31:** Chiến lược mở rộng thị trường bao hàm việc tìm kiếm những thị trường mới cho ....

A. Người tiêu dùng. B. Sản phẩm mới. C. Sản phẩm hiện có.

D. Sản phẩm cạnh tranh. E. Tất cả đều đúng.

**Câu 32:** Nhà quản trị cấp cơ sở thực hiện nhiệm vụ nào sau đây:

A. Dự trù kinh phí. B. Đề ra phương pháp của bộ phận.

C. Xây dựng chiến lược chung. D. Xây dựng phương pháp, tác phong làm việc.

E. Phân phối tài nguyên, nguồn lực.

**Câu 33:** Hoạt động nổi bật trong cạnh tranh mà công ty thực hiện tốt hơn đối thủ gọi là:

A. Năng lực nhân sự. B. Năng lực vượt trội. C. Năng lực tài chính.

D. Năng lực nòng cốt. E. Năng lực marketing.

**Câu 34:** Có bao nhiêu hình thức phân quyền trong phương pháp phân quyền của nhà quản trị:

A. 2 hình thức. B. 3 hình thức. C. 4 hình thức. D. 5 hình thức. E. 6 hình thức.

**Câu 35:** Quản trị bằng phương pháp kinh tế theo mấy hướng:

A. 2. B. 3. C. 4. D. 5. E. 6.

**Câu 36:** Hạn chế chung của 3 trường phái quản trị thư lại, khoa học và hành chính đều không quan tâm đến yếu tố quan hệ:

A. Thị trường. B. Nhu cầu con người. C. Cung cầu.

D. Không đề cập đến môi trường. E. Cung cầu, thị trường, môi trường.

**Câu 37:** Có mấy quy luật tâm lý trong doanh nghiệp:

A. 3. B. 2. C. 6. D. 4. E. 5.

**Câu 38:** Chức năng nào sau đây là chức năng cơ bản và quan trọng nhất của nhà quản trị cấp cao:

A. Tổ chức. B. Chuyên môn. C. Hoạch định. D. Kiểm soát. E. Lãmh đạo.

**Câu 39:** Nhà khoa học nào sáng lập ra trường phái quản trị khoa học:

A. Henry Fayol. B. Max Weber. C. Frederick Winslow Taylor.

D. Gulick. E. Abraham Maslow.

**Câu 40:** Ưu điểm của việc tuyển dụng nhân lực bên trong doanh nghiệp:

A. Tạo cơ hội thăng tiến cho nhân viên B. Người lao động thuần nhất hơn

C. Môi trường làm việc mới mẻ D. Có nhiều động cơ làm việc

E. Nguồn ứng viên phong phú

**Câu 41:** Các tiêu chí đánh giá ứng viên:

A. Ý thức chấp hành kỷ luật B. Kỹ năng thực hiện công việc C. Kết quả công việc D. Đặc điểm cá nhân E. Tất cả đều đúng

**Câu 42:** Yếu tố nào sau đây không thuộc ưu điểm của cấu trúc chức năng:

A. Cơ cấu phân chia các nhiệm vụ rõ ràng thích hợp với những lĩnh vực cá nhân được đào tạo

B. Cung cấp một nền đào tạo tốt cho các nhà phụ trách mới chuyển dịch từ cái họ học vào hoạt động của doanh nghiệp

C. Công việc dễ giải thích

D. Các cá nhân trong một phòng ban có thể dễ dàng được đào tạo trên cơ sở kiến thức, sự đào tạo và kinh nghiệm của người khác

E. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện chế độ thủ trưởng

**Câu 43:** Nhà quản trị sử dụng phong cách lãnh đạo dân chủ với nhân viên có đặc tính sau:

A. Hay có đầu óc cá nhân chủ nghĩa B. Có lối sống tập thể

C. Kém tính sáng tạo D. Không có tính tự chủ

E. Những người ưa chống đối

**Câu 44:** Loại cơ cấu tổ chức phù hợp với đặc điểm của tổ chức đòi hỏi chuyên môn hóa kỹ năng:

A. Cơ cấu trực tuyến B. Cơ cấu theo khu vực địa lý C. Cơ cấu ma trận

D. Cơ cấu theo sản phẩm E. Cơ cấu chức năng

**Câu 45:** Hạn chế của quản trị kiểu hành chính:

A. Không đề cập đến môi trường B. Nguyên tắc cứng nhắc

C. Không quan tâm đến các nhu cầu xã hội của con người

D. Tốc độ ra quyết định chậm E. Tất cả đều sai

**Câu 46:** Phương pháp thường xuyên được cập nhật và được các công ty áp dụng trong quá trình xác định chiến lược, mục tiêu, chính sách của công ty là phương pháp

A. Phương pháp phân tích SWOT B. Phương pháp phân tích SMART

C. Phương pháp phân tích 3C D. Phương pháp phân tích PEST

E. Phương pháp phân tích 7S

**Câu 47:** Mô hình phân tích SWOT thường đưa ra mấy chiến lược cơ bản:

A. 3 chiến lược B. 4 chiến lược C. 5 chiến lược D. 7 chiến lược E. 6 chiến lược

**Câu 48:** Loại cơ cấu tổ chức phù hợp với đặc điểm của tổ chức áp dụng những thiết bị đặc biệt:

A. Cơ cấu chức năng B. Cơ cấu theo khu vực địa lý C. Cơ cấu ma trận

D. Cơ cấu theo sản phẩm E. Cơ cấu trực tuyến

**Câu 49:** Cơ cấu tổ chức nào sau đây thuộc cơ cấu của khuynh hướng quản trị sáng tạo:

A. Mạng lưới B. Cái chặn giấy C. Kim tự tháp D. Tất cả đều đúng       E. Tất cả đều sai

**Câu 50:** Trọng tâm của khuynh hướng quản trị theo khoa học hiện đại:

A. Khách hàng B. Các thành viên của tổ chức C. Công nghệ

D. Tài chính E. Tất cả đều đúng

**Câu 51:** Lý thuyết quản trị của Fayol được gọi là:

A. Lý thuyết tổ chức B. Lý thuyết quản trị tổng quát         C. Lý thuyết hành chính

D. Lý thuyết quản trị hành chính E. Lý thuyết quản trị hành vi

**Câu 52:** Đặc điểm nào sau đây không thuộc nhược điểm của nguồn tuyển dụng nhân lực bên trong doanh nghiệp:

A. Gây xáo trộn về mặt tổ chức B. Hạn chế về chất lượng ứng viên C. Mất nhiều thời gian

D. Gây hiện tượng xơ cứng, giảm tính sáng tạo     E. Hình thành nhóm nhân sự có hành vi tiêu cực

**Câu 53:** Loại cơ cấu tổ chức phù hợp với đặc điểm của tổ chức đòi hỏi sử dụng các nguồn lực khan hiếm:

A. Cơ cấu chức năng B. Cơ cấu ma trận C. Cơ cấu theo khu vực

D. Cơ cấu theo sản phẩm E. Cơ cấu trực tuyến

**Câu 54:** Nhà quản trị cấp trung gian thực hiện nhiệm vụ nào sau đây:

A. Phân phối tài nguyên, nguồn lực B. Báo cáo công việc và xin hỗ trợ kịp thời

C. Đề ra phương hướng của bộ phận D. Tạo dựng bộ máy

E. Xây dựng chiến lược chung

**Câu 55:** Hiệu quả công việc khi sử dụng phương pháp quản lý theo mục tiêu:

A. Kiểm soát được công việc chi tiết B. Đảm bảo theo mục tiêu đề ra

C. Làm việc đúng D. Thuận lợi cho công việc, khó xác định mục tiêu

E. Thể hiện được vai trò của nhà quản trị cấp cơ sở

**Câu 56:** Mô hình tổ chức dựa trên nguyên tắc quản lý trực tuyến, nhưng bên cạnh người lãnh đạo có bộ phận tham mưu là loại cấu trúc tổ chức doanh nghiệp nào:

A. Chức năng B. Trực tuyến – chức năng C. Trực tuyến

D. Tham mưu E. Trực tuyến – tham mưu – chức năng

**Câu 57:** T trong phương pháp phân tích SMART có nghĩa là:

A. Mục tiêu phải rõ ràng B. Mục tiêu có thời hạn C. Mục tiêu đo lường được

D. Mục tiêu phải thực tế E. Mục tiêu có thể đạt được

**Câu 58:** Nguyên tắc nào sau đây không thuộc nguyên tắc quản trị chất lượng đồng bộ TQM:

A. Chất lượng sản phẩm B. Nhu cầu người tiêu dùng C. Quản lý chức năng

D. Thông tin E. Quan hệ nhà cung cấp

**Câu 59:** Triển khai các kế hoạch chiến lược là bước thứ mấy trong tiến trình hoạch định chiến lược:

A. Bước 5 B. Bước 4 C. Bước 6 D. Bước 2 E. Bước 3

**Câu 60:** Vai trò của văn hóa doanh nghiệp không bao gồm ý nào sau đây?

A. Văn hóa doanh nghiệp tạo cho mỗi thành viên hiểu được giá trị của bản thân đối với doanh nghiệp và tạo được sự khích lệ, động lực cho mọi người

B. Văn hóa doanh nghiệp tạo nên phong thái của doanh nghiệp, giúp phân biệt doanh nghiệp này với doanh nghiệp khác

C. Văn hóa doanh nghiệp góp phần tạo dựng và phát triển thương hiệu cho doanh nghiệp

D. Văn hóa doanh nghiệp đề ra nhiệm vụ cụ thể cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đó

E. Văn hóa doanh nghiệp có thể đem lại lợi thế cạnh tranh vô cùng quan trọng cho doanh nghiệp

**Câu 61:** Yếu tố nào sau đây không thuộc mô hình giá trị IMC:

A. Tài chính B. Thương hiệu C. Con người

D. Công nghệ E. Văn hóa

**Câu 62:** Loại cơ cấu tổ chức phù hợp với đặc biệt của tố chức có các chi phí vận chuyển nguyên vật liệu cao:

A. Cơ cấu chức năng B. Cơ cấu theo khu vực địa lý C. Cơ cấu ma trận

D. Cơ cấu theo sản phẩm E. Cơ cấu trực tuyến

**Câu 63:** Nhu cầu nào sau đây không thuộc hệ thống các nhu cầu của Maslow

A. Nhu cầu có tính cách sinh lý B. Nhu cầu an toàn C. Nhu cầu vật chất

D. Nhu cầu xã hội E. Nhu cầu được tôn trọng

**Câu 64:** Lợi ích của mục tiêu:

A. Thúc đẩy hoàn thành công việc B. Hỗ trợ quá trình hoạch định

C. Tập trung mọi nỗ lực và quyết định D. Hỗ trợ đánh giá và kiểm tra mức độ hoàn thành công việc

E. Tất cả đều đúng

**Câu 65:** Chiến lược đưa ra những sản phẩm mới thâm nhập những thị trường mới là chiến lược:

A. Chiến lược người tiêu dùng mới B. Chiến lược phát triển sản phẩm

C. Chiến lược mở rộng thị trường D. Chiến lược đa dạng hóa kinh doanh

E. Chiến lược thâm nhập thị trường

**Câu 66:** Bước xác định mục tiêu cấp dưới là bước thứ mấy trong triển khai MBO:

A. Bước 1 B. Bước 2 C. Bước 3 D. Bước 4 E. Bước 5

**Câu 67:** Lợi ích của mục tiêu là có tác dụng hỗ trợ …

A. Quá trình hoạch định B. Quá trình mở rộng thị trường C. Bán hàng

D. Kinh doanh E. Tất cả đều sai

**Câu 68:** Các trường phái quản trị cổ điển được áp dụng mạnh mẽ từ những năm nào:

A. 1911 B. 1930 C. 1945 D. 1960 E. 1980

**Câu 69:** Các phương pháp quản trị là tổng thể các cách thức tác động có thể và chủ đích của chủ thể quản trị lên đối tượng quản trị và … để đạt được mục tiêu đề ra

A. Nhân tố bên ngoài B. Môi trường vi mô C. Yếu tố nội bộ

D. Khách thể quản trị E. Môi trường vĩ mô

**Câu 70:** Môi trường kinh tế thuộc loại môi trường nào sau đây:

A. Môi trường đặc thù B. Môi trường nội bộ C. Môi trường nội bộ DN

D. Môi trường vĩ mô E. Môi trường vi mô

**Câu 71:** Một hệ thống lý thuyết quản trị tập trung nghiên cứu về các mối quan hệ giữa cá nhân người công nhân với máy móc trong các nhà máy là trường phái:

A. Quản trị tuyệt hảo B. Quản trị hành chính C. Quản trị sáng tạo

D. Quản trị kiểu thư lại E. Quản trị khoa học cổ điển

**Câu 72:** Môi trường kinh doanh của từng doanh nghiệp, nó ảnh hưởng và trực diện, quyết định tính chất mức độ cạnh tranh trong ngành, đó là loại môi trường:

A. Môi trường đặc thù B. Môi trường nội bộ C. Môi trường vĩ mô

D. Môi trường chính trị E. Tất cả đều đúng

**Câu 73:** Hạn chế của việc tuyển dụng nhân lực bên ngoài doanh nghiêp:

A. Hình thành nhóm nhân sự chán nản, bi quan, có hành vi tiêu cực.

B. Gây hiện tượng xơ cứng. C. Hạn chế về chất lượng ứng viên.

D. Gây xáo trộn về mặt tổ chức. E. Chỉ phí tuyển dụng cao.

**Câu 74:** Mục tiêu chiến lược của khuynh hướng quản trị theo quá trình:

A. Gia tăng số lượng sản phẩm, dịch vụ B. Tăng trưởng doanh số

C. Mở rộng thị trường D. Phát triển về quy mô sản xuất

E. Tạo ra những ý tưởng mới

**Câu 75:** Hạn chế của phương pháp phân tích SWOT, ngoại trừ:

A. Nhiều mục tiêu có thể bị trung hòa hay nhầm lẫn giữa 2 thái cực SW và OT

B. Cung cấp một công cụ phân tích chiến lược, rà soát và đánh giá vị trí, định hướng của một công ty hay của một đề án kinh doanh

C. Chỉ đưa ra những phác họa có tính chất định hướng

D. Chỉ là công đoạn đầu tiên trong quá trình hình thành chiến lược của doanh nghiệp

E. Phụ thuộc nhiều vào quá trình đánh giá, trình độ tư duy và chủ quan của người đánh giá

**Câu 76:** Sơ đồ nhân quả sử dụng trong quản trị chất lượng đề cập đến 4 yếu tố sau:

A. Phương pháp, nguyên liệu, tài chính, tài sản cố định

B. Con người, marketing, tài chính, môi trường

C. Tài sản cố định, công nghệ, thương hiệu, con người

D. Tài sản cố định, thương hiệu, công nghệ, tài chính

E. Con người, máy móc, phương pháp, nguyên liệu

**Câu 77:** Mỗi sự trục trặc trong quan hệ với người cung cấp là một … cho bản thân doanh nghiệp:

A. Thách thức B. Cơ hội   C. Thiệt hại           D. Cạnh tranh E. Tất cả đều đúng

**Câu 78:** Hai nguyên nhân chính yếu đòi hỏi các nhà quản trị phải tiến hành các hoạt động hoạch định là … và môi trường kinh doanh luôn thay đổi

A. Nguồn tài nguyên hạn chế B. Cạnh tranh trên thị trường C. Nguồn nhân lực kém

D. Nguồn vốn hạn chế E. Tất cả đều sai

**Câu 79:** Có bao nhiêu bước triển khai MBO

A. 5 bước B. 2 bước C. 4 bước D. 6 bước E. 3 bước

**Câu 80:** Trong trường phái quản trị khoa học, nhà khoa học nào đưa ra lý thuyết hệ thống thường vượt định mức:

A. Henry Fayol B. Max Weber C. Hugo Musterberg

D. Henry L.Gant E. Elton Mayo

**Đề 4 (45  câu)**

**Câu 1:** Môi trường vĩ mô của DN gồm có bao nhiêu loại môi trường:

A. 2 loại B. 3 loại C. 4 loại **D. 5 loại** E. 6 loại

**Câu 2:** Hoạch định chất lượng thực hiện nhiệm vụ nào sau đây:

**A. Nghiên cứu thị trường xác định nhu cầu khách hàng**

B. Làm cho mọi người biết nhiệm vụ kế hoạch chất lượng nội dung công việc phải làm

C. Ban hành hệ thống tiêu chuẩn, quy trình

D. Khắc phục những sai lệch

E. So sánh chất lượng thực tế với kế hoạch

**Câu 3:** Mỗi sự trục trặc trong quan hệ với người cung cấp là một …… cho bản thân doanh nghiệp

A. Thách thức B. Cơ hội **C. Thiệt hại** D. Cạnh tranh E. Tất cả đều đúng

**Câu 4:** Có bao nhiêu công cụ sử dụng trong quản trị chất lượng:

A. 2 B. 3 C. 4 D. 5 E. 6

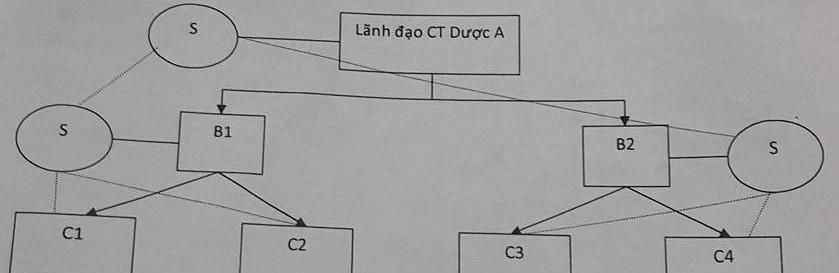
**Câu 5:** Trường phái quản trị định lượng được áp dụng mạnh mẽ từ những năm nào:

A. Năm 1911 B. Năm 1930 C. Năm 1945 **D. Năm 1960**  E. Năm 1980

**Câu 6:** Môi trường nội bộ của doanh nghiệp gồm có bao nhiêu yếu tố:

A. 2 yếu tố B. 3 yếu tố C. 4 yếu tố D. 5 yếu tố **E. 6 yếu tố**

**Câu 7:** Cấu trúc này thuốc cơ cấu tổ chức nào của doanh nghiệp:



A. Cấu trúc chức năng B. Cấu trúc trực tuyến tham mưu

C. Cấu trúc trực tuyến - tham mưu - chức năng **D. Cấu trúc trực tuyến - chức năng**

E. Cấu trúc chương trình mục tiêu

**Câu 8:** Để nhận diện những khả năng chủ yếu của một doanh nghiệp, cần mấy tiêu chuẩn:

A. 1 tiêu chuẩn B. 2 tiêu chuẩn C. 3 tiêu chuẩn

D. 4 tiêu chuẩn E. 5 tiêu chuẩn

**Câu 9:** Khái niệm phản ánh nhận thức của con người về những chuẩn mực đạo đức mà họ cho rằng cần phải thực hiện:

A. Thái độ **B. Giá trị** C. Niềm tin D. Lý tưởng E. Kỳ vọng

**Câu 10:** Trong đánh giá nhân viên, trường hợp cấp trên trực tiếp đánh giá cấp dưới có hạn chế nào sau đây:

A. Cấp trên có khuynh hướng bình dân, dễ dãi với cấp dưới

B. Khó triệu tập cùng một lúc nhiều cấp quản trị để đánh giá

**C. Cấp trên rất dễ mắc phải khuyết điểm không khách quan khi đánh giá**

D. Hệ thống tiêu chuẩn đánh giá không rõ ràng

E. Giảm vai trò lãnh đạo của cấp trên

**Câu 11:** Hệ thống lý thuyết quản trị tập trung nghiên cứu về các mối quan hệ giữa cá nhân người công nhân với máy móc trong các nhà máy là thuộc trường phái quản trị nào?

**A. Trường phái quản trị khoa học**  B. Trường phái quản trị kiểu thư lại

C. Trường phái quản trị hành chính D. Trường phái quản trị theo tình huống

E. Trường phái quản trị truyền thống phương Đông

**Câu 12:** Lý thuyết quản trị kiểu thư lại của Max Weber:

**A. Đưa ra một quy trình về cách điều hành một tổ chức**

B. Nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả và cắt giảm sự lãng phí

C. Nhấn mạnh đến sự chuyên môn hóa lao động

D. Giúp các nhà quản trị thấy rõ mối quan hệ tương tác giữa các yếu tố thành phần trong một tổ chức thống nhất

E. Căn cứ vào một tình huống cụ thể để lựa chọn và sử dụng những nguyên tắc quản trị phù hợp

**Câu 13:** A trong phương pháp phân tích SMART có nghĩa là:

A. Mục tiêu phải rõ ràng B. Mục tiêu đo lường được

**C. Mục tiêu có thể đạt được** D. Mục tiêu phải thực tế

E. Mục tiêu có thời hạn

**Câu 14:** Trường phái quản trị hành chính của Fayol bao gồm bao nhiêu nguyên tắc quản trị:

A. 10 B. 12 **C. 14**  D. 15 E. 16

**Câu 15:** Đặc điểm: định rõ các chức năng quản trị, phân công lao động, hệ thống cấp bậc, quyền lực, công bằng là của trường phái quản trị nào sau đây?

A. Trường phái quản trị khoa học B. Trường phái quản trị kiểu thư lại

**C. Trường phái quản trị hành chính** D. Trường phái quản trị theo tình huống

E. Trường phái quản trị hành vi

**Câu 16:** Trong chiến lược mở rộng thị trường có bao nhiêu phương pháp cơ bản:

A. 1 phương pháp B. 2 phương pháp **C. 3 phương pháp** D. 4 phương pháp E. 5 phương pháp

**Câu 17:** Trọng tâm của trường phái quản trị khoa học là?

A. Hệ thống tổ chức **B. Công nhân**  C. Nhà quản trị

D. Lãnh đạo E. Nhân viên

**Câu 18:** Chiến lược tìm kiếm cơ hội phát triển trong các thị trường mà doanh nghiệp đang hoạt động với những hàng hóa hay dịch vụ hiện có gọi là:

A. **Chiến lược thâm nhập thị trường** B. Chiến lược mở rộng thị trường

C. Chiến lược phát triển sản phẩm D. Chiến lược đa dạng hóa kinh doanh

E. Chiến lược người tiêu dùng mới

**Câu 19:** Trọng tâm của trường phái quản trị hành chính là?

A. Hệ thống tổ chức B. Công nhân **C. Nhà quản trị**

D. Khách hàng E. Chính quyền

**Câu 20:** Đối tượng chủ yếu của quản trị?

A. Phương thức kinh doanh B. Nguyên vật liệu C. Kho tàng máy móc

**D. Tập thể con người** E. Cách giao tiếp, ứng xử

**Câu 21:** Hoạch định là chức năng cơ bản và quan trọng của nhà quản trị kinh doanh, đặc biệt là nhà quản trị:

**A. Nhà quản trị cấp cao** B. Nhà quản trị cấp giữa C. Nhà quản trị cấp cơ sở

D. Người lao động trực tiếp E. Tất cả đều sai

**Câu 22:** Kỹ năng nào là quan trọng nhất đối với nhà quản trị cấp cơ sở:

**A. Kỹ năng chuyên môn** B. Kỹ năng nhân sự C. Kỹ năng về tư duy

D. Kỹ năng giao tiếp E. Tất cả đều sai

**Câu 23:** Quản trị cổ điển gồm mấy trường phái:

A. 2 **B. 3**  C. 4 D. 5 E. 6

**Câu 24:** Một hệ thống lý thuyết quản trị tập trung nghiên cứu về các mối quan hệ giữa cá nhân người công nhân với máy móc trong các nhà máy là trường phái:

A. Quản trị kiểu thư lại **B. Quản trị kiểu khoa học cổ điển**

C. Quản trị kiểu hành chính D. Quản trị tuyệt hảo

E. Quản trị sáng tạo

**Câu 25:** Hạn chế chung của 3 trường phái quản trị kiểu thư lại, khoa học và hành chính đều không quan tâm đến yếu tố quan hệ:

A. Nhu cầu của con người B. Cung cầu C. Thị trường

D. Không đề cập đến môi trường **E. Cung cầu, môi trường, thị trường**

**Câu 26:** Quản trị bằng định mức thuộc phương pháp quản trị:

A. Phương pháp hành chính **B. Phương pháp kinh tế**

C. Phương pháp tâm lý D. Phương pháp pháp lý

E. Phương pháp nhân sự

**Câu 27:** Phương pháp quản trị tác động vào nhận thức và tình cảm của con người lao động nhằm nâng cao tính tự giác nhiệt tình của họ trong việc thực hiện hiệm vụ:

A. Phương pháp hành chính B. Phương pháp kinh tế **C. Phương pháp tâm lý**

D. Phương pháp pháp lý E. Phương pháp đào tạo

**Câu 28:** Yếu tố nào thuộc ưu điểm của cơ cấu theo khu vực địa lý:

**A. Các nguồn nguyên liệu, lao động tại chỗ sử dụng cho sản xuất cho phép tiết kiệm thời gian và chi phí**

B. Bộ máy tổ chức khá cồng kềnh

C. Cung cấp sự thích nghi và linh hoạt trong công việc thỏa mãn các nhu cầu của nhóm bên ngoài quan trọng

D. Linh hoạt điều động nhân sự giữa các bộ phận

E. Thúc đẩy sự hợp tác để hoàn thành mục tiêu chung của tổ chức

**Câu 29:** Hạn chế của việc tuyển dụng nhân lực từ bên ngoài doanh nghiệp:

A. Hạn chế về chất lượng ứng viên B. Gây xáo trộn về mặt tổ chức

C. Gây hiện tượng xơ cứng D. Giảm tính sáng tạo

**E. Mất nhiều thời gian**

**Câu 30:** Yếu tố nào sau đây không thuộc ưu điểm cấu trúc chức năng:

A. Cơ cấu phân chia các nhiệm vụ rõ rang thích hợp với nhưng lĩnh vực cá nhân đào tạo

B. Các cá nhân trong một phòng ban có thể dễ dàng được đào tạo trên cơ sở kiến thức, sự đào tạo và kinh nghiệm của người khác

C. Cung cấp một nền đào tạo tốt cho các nhà phụ trách mới chuyển dịch từ cái họ học vào hoạt động của doanh nghiệp

D. Công việc dễ giải thích

**E. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện chế độ thủ tướng**

**Câu 31:** Có mấy cách thực hiện để phân tích cung nhân lực:

A. 2 cách B. 3 cách C. 4 cách D. 5 cách E. 6 cách

**Câu 32:** Các trường phái quản trị cổ điển không bao gồm:

A. Trường phái quản trị thư lại B. Trường phái quản trị khoa học

**C. Trường phái quản trị hệ thống**  D. Trường phái quản trị hành chính

E. Không có câu nào đúng

**Câu 33:** Đặc điểm các quy luật kinh tế … và hoạt động thông qua các hoạt động của con người:

A. Phát triển B. Thay đổi **C. Tồn tại** D. Phổ biến E. Bền vững

**Câu 34:** Nhà quản trị cấp cao thực hiệ nhiệm vụ nào sau đây:

**A. Tạo dựng bộ máy**  B. Tôt chức, sắp xếp giao việc

C. Dự trù kinh phí D. Đề ra phương hướng của bộ phận

E. Nghiên cứu nắm vững nhiệm vụ

**Câu 35:** Tính khoa học đòi hỏi việc quản trị cần sử dụng các kỹ thuật quản trị nào:

A. Kỹ thuật quản trị theo mục tiêu B. Kỹ thuật lập kế hoạch

C. Kỹ thuật phát triển tổ chức D. Kỹ thuật lập ngân quỹ

**E. Tất cả đều đúng**

**Câu 36:** Quản trị kiểu khoa học có thuận lợi:

**A. Năng suất, hiệu quả** B. Ổn định, hiệu quả C. Cơ cấu rõ ràng

D. Đảm bảo nguyên tắc E. Tất cả điều sai

**Câu 37:** Sản phẩm trí tuệ của nhà quản trị nhằm buộc đối thủ nhất định phải hành động theo đúng dự kiến của mình đăt ra gọi là:

A. Nghệ thuật quản trị B. Quản trị C. Kế sách

**D. Mưu kế**  E. Lãnh đạo

**Câu 38:** Chức năng nào sau đây là chức năng cơ bản quan trọng nhất của nhà quản trị cấp cao:

**A. Hoạch định** B. Tổ chức C. Lãnh đạo

D. Kiểm soát E. Chuyên môn

**Câu 39:** mô hình tổ chức dựa trên nguyên tắc quản lý trực tuyến, nhưng bên cạnh người lãnh đạo có bộ phận tham mưu là loại cấu trúc tổ chức doanh nghiệp nào:

A. Chức năng B. Trực tuyến C. Tham mưu

**D. Trực tuyến – chức năng** E. Trực tuyến – tham mưu – chức năng

**Câu 40:** nhà quản trị cấp trung gian thực hiện nhiệm vụ nào sau đây:

**A. Đề ra phương hướng của bộ phận** B. Xây dựng chiến lược chung

C. Tạo dựng bộ máy D. Phân phối tài nguyên, nguồn lực

E. Báo cáo công việc và xin hỗ trợ kịp thời

**Câu 41:** Nhà khoa học tiên phong sang lập ra trường phái quản trị hành vi là ai:

A. Henry Fayol B. Max Weber **C. Hugo Musterberg**  D. Herry L.Gant E. Elton Mayo

**Câu 42:** Nhà khoa học khởi xướng thuyết X, Y trong trường phái quản trị hành vi:

A. Henry Fayol **B. Donglas Gregor**  C. Elton Mayo

D. Mary P.Follet E. Max Weber

**Câu 43:** Để thực hiện tốt chức năng của mình, nhà quản trị cần phải có mấy kỹ năng cơ bản:

A. 2 kỹ năng **B. 3 kỹ năng** C. 4 kỹ năng

D. 5 kỹ năng E. 6 kỹ năng

**Câu 44:** Tình trạng quản lý cấp tột đỉnh quá tải có thể diễn ra ở cấu trúc tổ chức doanh nghiệp nào:

**A. Chức năng** B. Trực tuyến C. Tham mưu

D. Trực tuyến – chức năng E. Sản phẩm, dịch vụ

**Câu 45:** Loại cơ cấu tổ chức phù hợp với đặc điểm của tổ chức đòi hỏi sử dụng các nguồn lực khan hiếm:

A. Cơ cấu chức năng B. Cơ cấu theo khu vực địa lý **C. Cơ cấu ma trận**

D. Cơ cấu theo sản phẩm E. Cơ cấu trực tuyến

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| D | A | C |  | D | E | D |  | B | C |
| 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| A | A | C | C | C | C | B | A | C | D |
| 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 |
| A | A | B | B | E | B | C | A | E | E |
| 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | 36 | 37 | 38 | 39 | 40 |
| A | C | C | A | E | A |  | A | D | A |
| 41 | 42 | 43 | 44 | 45 |  |  |  |  |  |
| C | B | B | A | C |  |  |  |  |  |

**ĐỀ THI DƯỢC 1**

1. Trong tiến hành hoạch định, sau bước xây dựng các chiến lược dự thảo sẽ đến bước
2. Kiểm tra và đánh giá kết quả
3. Triển khai kế hoạch tác nghiệp
4. Đưa ra chiến lược dự thảo
5. Triển khai kế hoạch
6. Triển khai kế hoạch chiến lược
7. Quản trị được thực hiện trong một tổ chức nhằm
8. Tổ chức cơ cấu bộ máy tối ưu
9. Tối đa hóa lợi nhuận
10. Đạt được mục tiêu của tổ chức với hiệu suất cao
11. Sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn lực
12. Đạt mục tiêu của tổ chức
13. .... Phản ánh nhận thức của con người về những chuẩn mực đạo đức mà họ cho rằng cần phải thực hiện
14. Niềm tin
15. Thái độ
16. Giá trị
17. Triết lý kinh doanh
18. Lý tưởng
19. trong quản trị nguồn nhân lực, hoạt động đánh giá nhân viên do chủ thể nào sau đây thực hiện
20. Tất cả các ý trên
21. Cấp trên
22. Khách hàng
23. Cấp trên và cấp dưới
24. Đồng nghiệp
25. Môi trường bao gồm các yếu tố nằm bên ngoài doanh nghiệp tác động trên bình diện rộng và lâu dài đến mọi hoạt động của doanh nghiệp là môi trường
26. Môi trường bên ngoài
27. Môi trường chính trị
28. Môi trường nội bộ
29. Môi trường đặc thù
30. Môi trường vĩ mô
31. quá trình tác động của chủ thể quản trị tới những người khác nhằm đạt tới các mục tiêu với chất lượng cao là nội dung của chức năng quản trị nào
32. Lập kế hoạch
33. Tạo ra sản phẩm dịch vụ phục vụ khách hàng
34. Tổ chức
35. Lãnh đạo
36. Kiểm tra
37. Loại cơ cấu tổ chức phù hợp với đặc điểm tổ chức họp động trong một môi trường cạnh tranh cao và công nghệ thay đổi nhanh
38. Cơ cấu trực tuyến
39. Cc theo sản phẩm
40. Cc chức năng
41. Cc theo khu vực
42. Cc ma trận
43. Đối thủ cạnh tranh thuộc môi trường kinh doanh nào của doanh nghiệp
44. Mt vĩ mô
45. Cạnh tranh
46. Chính trị
47. Kinh tế
48. Đặc thù

9.Đặc điểm nào là đúng với tâm khoảng trị hẹp

1. Giảm số cấp quản trị
2. Truyền đạt thông tin đến thuộc cấp không nhanh chóng
3. Tốn kém nhiều chi phí quản trị
4. Tiết kiệm chi phí quản trị
5. Quá tải ở cấp trên dẫn đến quyết định chậm
6. Mối quan hệ giữa các cấp bậc quản trị và kỹ năng quản trị:
7. Cấp bậc quản trị càng thấp, kỹ năng chuyên môn càng quan trọng
8. Cấp bậc quản trị càng cao, kỹ năng giao tiếp càng ít quan trọng
9. Cấp bậc quản trị càng cao, kỹ năng chuyên môn càng quan trọng
10. Các kỹ năng đều có tầm quan trọng như nhau trong tất cả các cấp quản trị
11. Cấp bậc quản trị càng thấp, kỹ năng tư duy càng quan trọng
12. Trong đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, pp đào tạo tại chức được phân biệt dựa vào tiêu thức nào:
    1. Theo mục đích của nội dung đào tạo
    2. Theo tổ chức hình thức đào tạo
    3. Theo định hướng nội dung đào tạo
    4. Theo đối tượng học viên
    5. Theo địa điểm hoặc nơi đào tạo
13. Chức năng nào sau đây là chức năng cơ bản và quan trọng nhất của nhà quản trị cấp cao:
    1. Hoạch định
    2. Tổ chức
    3. Kiểm soát
    4. Chuyên môn
    5. Lãnh đạo
14. Kỹ năng nào quan trọng nhất đối với nhà quản trị cấp cao..:
    1. Kn giao tiếp
    2. Kn về tư duy
    3. Kn chuyên môn
    4. Kn quản lý
    5. Kn nhân sự
15. Cơ cấu tổ chức dựa trên những hệ thống quyền lực và hỗ trợ nhiều chiều là cơ cấu nào:
    1. Cấu trúc chương trình- mục tiêu
    2. Cc theo sản phẩm, dịch vụ, khách hàng hoặc thị trường
    3. Cc trực tuyến, tham mưu, chức năng
    4. Cc theo khu vực địa lý
    5. Cc tổ chức ma trận
16. Ra quyết định là một nội dung của chức năng quản trị nào
    1. Kiểm tra
    2. Lãnh đạo
    3. Tạo ra spham, dịch vụ phục vụ khách hàng
    4. Lập kế hoạch
    5. Tổ chức
17. Theo Edgar Hchein, văn hóa doanh nghiệp được chia theo mấy cấp độ:

Đáp án: 3

1. Trong quản trị nguồn nhân lực, hoạt động đánh giá kết quả thực hiện công việc thuộc nhóm chức năng nào:
   1. Duy trì nguồn nhân lực
   2. Phát triển nguồn nhân lực
   3. Đánh giá nhl
   4. Đào tạo nhl
   5. Hoạch định nhl
2. Tiền lương, tiền thưởng cho nhân viên…. Là nhà quản trị thực hiện chức năng nào:
   1. Đãi ngộ
   2. Lãnh đạo
   3. Kiểm tra
   4. …
   5. Hoạch định
3. Ý nào là đặc điểm của quản trị nhân sự
   1. Lợi thế cạnh tranh là chất lượng nguồn nhân lực
   2. Cơ sở của năng suất và chất lượng là máy móc và tổ chức
   3. Nguồn nhân lực chất lượng cao thích ứng với sự biến đổi của môi trường
   4. Nhân viên là tài sản cần được phát triển
   5. Sử dụng nhân viên dài hạn
4. Mối quan hệ giữa các cấp bậc quản trị và kỹ năng quản trị:
   1. Cấp bậc quản trị càng thấp, kỹ năng nhân sự càng quan trọng
   2. Cấp bậc quản trị càng cao, kỹ năng kỹ thuật càng quan trọng
   3. Cấp bậc quản trị càng thấp, kỹ năng tư duy càng quan trọng
   4. Các kỹ năng đều có tầm quan trọng như nhau trong tất cả các cấp quản trị
   5. Kỹ năng nhân sự đều có vai trò quan trọng trong tất cả các cấp bậc
5. Hệ thống lý thuyết quản trị tập trung nghiên cứu về các quan hệ giữa cá nhân người công nhân với máy móc trong các máy là thuộc trường phái quản trị nào:
   1. Trường phái quản trị truyền thống phương đông
   2. TPQT theo tình huống
   3. TPQT kiểu thư lại
   4. TPQT hành chính
   5. TPQT khoa học
6. Giai đoạn 80-90, yếu tố nào đóng vai trò quyết định đến cạnh tranh của doanh nghiệp
   1. Công nghệ thông tin
   2. Quản trị nhân sự
   3. Sản xuất
   4. Marketing
   5. Tài chính
7. Hoạt động quản trị nguồn nhân lực nào thuộc nhóm chức năng: thu hút nguồn nhân lực:
   1. Phân tích, thiết kế công việc
   2. Đánh giá thực hiện công việc
   3. Duy trì các mqh lao động
   4. Định hướng nghề nghiệp
   5. Đào tạo phát triển
8. Các doanh nghiệp nên lựa chọn:
   1. CC tổ chức phù hợp
   2. CC tổ chức theo chức năng
   3. CC tổ chức ma trận
   4. CC tổ chức theo tuyến- chức năng
   5. CC tổ chức theo trực tuyến
9. Những quan niệm chung thuộc cấp độ bao nhiêu trong cách phân chia văn hóa doanh nghiệp của Edgar H chein: Đáp án: 3
10. Quản trị là một hoạt động vừa mang tính… vừa mang tính ….
    1. Khoa học, pháp lý
    2. Khoa học, hiện đại
    3. Cổ điển, hiện đại
    4. Khoa học, nghệ thuật
    5. Chuyên môn, kỹ năng
11. Chức năng quan trọng nhất đối với trưởng khoa dược bệnh viện là:
    1. Hoạch định
    2. Kiểm tra
    3. Tổ chức
    4. Giao tiếp
    5. Lãnh đạo
12. Trong một tổ chức, các cấp bậc quản trị thường được chia làm bao nhiêu cấp: 3
13. Quản trị nguồn nhân lực có các đặc điểm sau, NGOẠI TRỪ:
    1. QTNNL là khó khăn và phức tạp
    2. QTNNL không chỉ là quản lý đội ngũ nhân viên mà còn cả cấp lãnh đạo cũng cần thiết quản lý để có thể tối ưu hóa hiệu quả làm việc của họ
    3. QTNNL chỉ gắn liền với các tổ chức lớn có bộ máy QTNL
    4. QTNNL ngày nay trải rộng khắp các nhánh của tổ chức chứ không chỉ tập trung vào chức năng nhiệm vụ của phòng tổ chức nhân sự
    5. QTNNL hiện nay là một khoa học và là một nghề.
14. Chấp hành đúng luật pháp về kinh tế, về ký kết hợp đồng, hợp đồng kinh tế thuộc phương pháp quản trị:
    1. PP hành chính
    2. PP khoa học
    3. PP pháp lý
    4. PP kinh doanh
    5. PP tâm lý
15. Các trường phái quản trị cổ điển ra đời vào giai đoạn
    1. Đầu XX
    2. Cuối XVIII, đầu XIX
    3. Cuối XIX
    4. Cuối XVIII
    5. Cuối XIX, đầu XX
16. Phân tích các đe dọa và cơ hội thị trường là bước thứ mấy trong tiến trình hoạch định chiến lược:
    1. 6
    2. 5
    3. 4
    4. 2
    5. 3
17. Xảy ra tình trạng bằng mặt mà không bằng lòng là của đánh giá nào trong đánh giá nhân viên:
    1. Cấp trên đánh giá cấp dưới
    2. Tự đg
    3. Cấp dưới đg cấp trên
    4. Đồng nghiệp đg lẫn nhau
    5. Tập thể đg
18. Môi trường kinh doanh của doanh nghiệp có đặc điểm sau, NGOẠI TRỪ
    1. MTKD có tính tổng thể
    2. MTKD bao gồm nhiều yếu tố cấu thành có quan hệ qua lại ràng buộc lẫn nhau
    3. MTKD thường ổn định
    4. MTKD tồn tại một cách khách quan
    5. MTKD của DN là một hệ thống mở
19. Trong nội dung khái quát quản trị nguồn nhân lực, sau kiểm tra hoạch định và dự báo nguồn nhân lực sẽ tiến hành bước:
    1. Hệ thống chính sách lao động, tiền lương, thi đua
    2. Đánh giá thành tính cá nhân
    3. Tuyển chọn nguồn nhân lực
    4. Phân công lao động
    5. Đào tạo, huấn luyện và phát triển nhân lực
20. Thuyết Y về nhận định con người do nhà quản trị nào khởi xướng?

Đáp Án: Douglas. Gregor

1. PP phân tích SWOT có hạn chế nào
   1. Mất nhiều thời gian
   2. Khó đánh giá mục tiêu
   3. Tính khả thi thấp
   4. Tính thực tế thấp
   5. Phụ thuộc nhiều vào trình độ tư duy người đánh giá
2. Chọn câu đúng:
   1. con người đặt tên cho quy luật
   2. quy luật phụ thuộc vào hoạt động chủ quan của con người
   3. Người điều khiển được quy luật
   4. Người có thể xóa bỏ được quy luật
   5. Luật do con người tạo ra
3. Hai nguyên chính yếu đòi hỏi các nhà quản trị phải thi hành các hoạt động hoạch định là ….. và môi trường kinh doanh luôn thay đổi:
   1. Cạnh tranh trên thị trường
   2. Doanh nghiệp còn tồn tại những điểm yếu
   3. Nguồn nhân lực kém
   4. Nguồn vốn hạn chế
   5. Nguồn tài nguyên hạn chế
4. Theo quan điểm kinh tế học hiện đại, môi trường kinh doanh của doanh nghiệp là:
   1. Tất cả các lực lượng tồn tại xung quanh doanh nghiệp
   2. Tập hợp các lực lượng bên ngoài có ảnh hưởng đến khả năng tồn tại và phát triển của DN
   3. Tất cả các yếu tố ảnh hưởng đến doanh nghiệp
   4. Tập hợp các lực lượng bên trong có ảnh hưởng đến khả năng tồn tại và phát triển của DN
   5. Tập hợp các lực lượng bên trong và bên ngoài có ảnh hưởng đến khả năng tồn tại và phát triển của DN
5. Loại cơ cấu tổ chức nào đòi hỏi phải có những kỹ năng giao tiếp nhân sự giỏi:
   1. Cc trực tuyến
   2. Cc chức năng
   3. Cc ma trận
   4. Cc theo sàn
   5. Cc theo khu vực
6. Trong QTNNL, hoạt động đánh giá kết quả thực hiện công việc thuộc nhóm chức năng nào:
   1. Đánh giá nguồn nhân lực
   2. Hoạch định nguồn nhân lực
   3. Duy trì nguồn nhân lực
   4. Phát triển nguồn nhân lực
   5. Đào tạo nguồn nhân lực
7. Cấp độ thứ ba của văn hóa doanh nghiệp theo Edgar H Schein có ý nghĩa là gì:
   1. Niềm tin, nhận thức suy nghĩ và tình cảm có tính vô thức
   2. ẩn phẩm điển hình
   3. biểu tượng
   4. kiến trúc của doanh nghiệp
   5. ngôn ngữ, khẩu hiệu
8. Khi có một thông tin sai lệch gây bất lợi cho sản phẩm thuốc đang lưu hành trên thị trường, nhà quản trị cần làm gì?
   1. Nhờ các nhóm áp lực và cơ quan nhà nước can thiệp
   2. Thu hồi sản phẩm trên thị trường và nhờ cơ quan nhà nước can thiệp
   3. Tìm hiểu thông tin, thuyết phục khách hàng và nhờ cơ quan nhà nước can thiệp
   4. Công kích lại đối thủ cạnh tranh, và thu hồi sản phẩm
   5. Giải thích với khách hàng
9. Cơ hội được tạo ra bằng cách phát triển những sản phẩm mới, hay cải tiến những sản phẩm hiện có bằng cách cải tiến về chất lượng, tăng thêm tính năng sử dụng, là chiến lược:
   1. CLPT sản phẩm
   2. CL mở rộng thị trường
   3. CL thâm nhập thị trường
   4. CL cải tiến sp
   5. Chiến lược đa dạng hóa kinh doanh
10. Để mục tiêu của tổ chức được hoàn thành có hiệu quả, các nhà quản trị cần:
    1. Không cần phải kiểm tra mã để các đối tượng tự kiểm tra
    2. Kiểm tra theo kiểu ngẫu nhiên
    3. Phải kiểm tra tất cả các lĩnh vực hoạt động, các yếu tố trong tổ chức
    4. Chỉ kiểm tra các yếu tố có thể đo lường
    5. Kiểm tra các lĩnh vực hoạt động thiết yếu và các điểm kiểm tra thiết yếu
11. Trọng tâm của trường phái quản trị hành chính là
    1. Hệ thống tổ chức
    2. Nhà quản trị
    3. Công nhân
    4. Khách hàng
    5. Chính quyền
12. Phân tích cung cầu nguồn nhân lực là nội dung thuộc bước nào của quản trị nguồn nhân lực:
    1. Hoạch định
    2. Đánh giá nguồn nhân lực
    3. Tuyển dụng
    4. Đánh giá tình hình nhân lực hiện tại
    5. Đào tạo
13. Mục tiêu chiến lược của khuynh hướng quản trị sáng tạo:
    1. Phát triển về quy mô sản xuất
    2. Gia tăng số lượng sản phẩm, dịch vụ
    3. Mở rộng thị trường
    4. Tạo ra những ý tưởng mới
    5. Tăng trưởng doanh số
14. Triển khai các kế hoạch tác nghiệp là bước thứ mấy trong quy trình hoạch định chiến lược:
    1. 6
    2. 2
    3. 5
    4. 3
    5. 4
15. Yếu tố nào sau đây thuộc nhược điểm của cấu trúc chức năng:
    1. Hạn chế việc sử dụng các chuyên gia có trình nghiệp vụ chuyên nghiệp và giỏi
    2. Các vấn đề xung đột có thể xuất hiện khi các bộ phận cố gắng ph… các dự án chung
    3. Nhân viên hiểu rõ vai trò của đơn vị
    4. Có thể dẫn tới sự trùng lặp cố gắng ở mỗi phân khoa nhằm giải quyết những vấn đề tương tự
    5. Người cấp dưới phải phục tùng nhiều đầu mối chỉ đạo khác nhau của cùng một cơ quan quản lý cấp trên.
16. Kỹ thuật SWOT được dùng để:
    1. Phân tích môi trường bên trong và bên ngoài
    2. Xác định điểm mạnh, điểm yếu của từng doanh nghiệp
    3. Tổng hợp các thông tin từ phân tích môi trường
    4. Xác định các phương án kết hợp từ kết quả phân tích môi trường xây dựng chiến lược
    5. Xác định cơ hội, đe dọa đến doanh nghiệp
17. Đối tượng chủ yếu của quản trị:
    1. Các giao tiếp, ứng xử
    2. Kho tàng máy móc
    3. Nguyên vật liệu
    4. Phương thức thanh toán
    5. Con người
18. Yếu tố nào sau đây không thuộc yếu tố hữu hình của văn hóa doanh nghiệp:
    1. Sản phẩm
    2. Văn hóa ứng xử
    3. Tầm nhìn
    4. Đối loại
    5. Nghi lễ
19. Một trong các phương pháp phân tích của quản trị học nhằm đánh giá mục tiêu, chiến lược là phương pháp:
    1. PEST
    2. SWOT
    3. SMART
    4. 3C
    5. 7S
20. Các pp quản trị là tổng thể các cách thức tác động có thể và chủ đích của chủ thể quản trị lên …… và khách thể quản trị để đạt được những mục tiêu đề ra
    1. Đối tượng quản trị
    2. Chủ thể quản trị
    3. Môi trường kinh doanh
    4. Đơn vị thừa hành
    5. Nhà quản trị cấp cơ sở
21. Quá trình thu hút người có trình độ vào tổ chức, lựa chọn người đáp ứng yêu cầu công việc trong những ứng viên xin việc rồi sắp xếp hợp lý nhân viên vào các vị trí khác nhau trong tổ chức gọi là:
    1. Biên chế nhân lực
    2. Phân tích, thiết kế công việc
    3. Duy trì các mối quan hệ lao động
    4. Kế hoạch hóa nhân lực
    5. Định hướng nghề nghiệp
22. Cơ cấu tổ chức nào được hình thành trên cơ sở quan hệ trực tiếp giữa các cơ quan lãnh đạo với bộ phận thừa hành trên cấp bậc tuyến dọc:
    1. Trực tuyến
    2. Sản phẩm, dịch vụ
    3. Trực tuyến, chức năng
    4. Chức năng
    5. Tham mưu
23. Chiến lược mở rộng thị trường bao hàm việc tìm kiếm những thị trường mới cho……
    1. Sản phẩm cạnh tranh
    2. Sản phẩm cải tiến
    3. Sản phẩm hiện có
    4. Người tiêu dùng
    5. Sản phẩm mới
24. Quản trị cần thiết cho:
    1. Tất cả các doanh nghiệp
    2. Các đơn vị hành chính sự nghiệp
    3. Các tổ chức vì lợi nhuận và phi lợi nhuận
    4. Các DN lớn
    5. Các DN hoạt động sx kinh doanh
25. Kỹ năng chuyên môn của trưởng khoa dược bệnh viện là:
    1. Dự báo tình hình bệnh tật, sử dụng thuốc để đưa ra quyết định nhập số lượng, chủng loại thuốc phù hợp
    2. Tạo niềm tin và sự ủng hộ nơi bác sĩ bệnh nhân, hợp tác chặt chẽ với bác sĩ để đáp ứng nhu cầu cung ứng thuốc
    3. Tuyển dụng nhân sự
    4. Nhận diện các tương tác thuốc trong đơn bác sĩ kê
    5. Tổ chức, sắp xếp nhân viên, khuyến khích nhân viên hoàn thành tốt công việc.
26. Các cá nhân trong một phòng, ban có thể dễ dàng được đào tạo trên cơ sở kiến thức, sự đào tạo và kinh nghiệm của người khác là ưu điểm của cơ cấu tổ chức nào?
    1. Cơ cấu trực tuyến
    2. Cc theo khu vực
    3. Cc chức năng
    4. Cc ma trận
    5. Cc theo sản phẩm
27. Luân chuyển và thuyên chuyển công việc thuộc nội dung nào của QTNNL?
    1. Đánh giá nguồn NL
    2. Tất cả đều đúng
    3. Kế hoạch hóa NNL
    4. Tuyển dụng NNL
    5. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực
28. Khả năng nào dưới đây thuộc nhóm kỹ năng chuyên môn
    1. Khả năng nhận dạng cơ hội để đổi mới
    2. KN xây dựng mạng lưới quan hệ
    3. KN nhận ra nơi có vấn đề và đưa ra giải pháp
    4. KN thuyết trình
    5. Kn vận dụng quy trình kỹ thuật
29. Bước đầu tiên của tiến trình xây dựng cơ cấu tổ chức là:
    1. Kết hợp các chức năng thành một hệ thống
    2. Xếp loại các hoạt động theo CN SXKD
    3. Thẩm định và tái tổ chức
    4. Nhận thức rõ mục đích và mục tiêu của tổ chức
    5. Xác định những hoạt động quan trọng
30. Có tầm nhìn xa trông rộng, kỹ năng hoạch định, ra quyết định… thuộc về kỹ năng nào của nhà quản trị:
    1. Lãnh đạo
    2. Tư duy
    3. Hoạch định
    4. Giao tiếp
    5. Chuyên môn
31. Lý thuyết quản trị của Fayol được gọi là:
    1. Lý thuyết quản trị hành vi
    2. Lý thuyết tổ chức
    3. Lý thuyết quản trị tổng quát
    4. Lý thuyết hành chính
    5. Lý thuyết quản trị hành chính
32. Cơ cấu tổ chức nào có ưu điểm cho phép nhận ra những thay đổi bên ngoài:
    1. Cơ cấu chức năng
    2. Cc ma trận
    3. Cc theo khu vực
    4. Cc theo sản phẩm, dịch vụ, khách hàng
    5. Cc trực tuyến
33. Văn hóa doanh nghiệp ở Nhật Bản có Meishi Kokan có nghĩa là nghi thức văn hóa nào:
    1. Thấm nhuần động lực qua khẩu hiệu
    2. Hết mình vì nguyên tắc
    3. Làm hài lòng cây cao bóng cả
    4. Tôn trọng danh thích
    5. Làm hăng say, chơi nhiệt tình
34. Ai là người đầu tiên đưa ra các chức năng của quản trị:
    1. Henry Fayol
    2. Frederick Winslow Taylor
    3. Max Weber
    4. Kooontz
    5. Drucker
35. …… là khái niệm đề cập đến việc mọi người cho rằng thế nào là đúng, thế nào là sai
    1. Niềm tin
    2. Giá trị
    3. Triết lý kinh doanh
    4. Thái độ
    5. Lý tưởng
36. Chỉ số trí tuệ IQ từ 130-140 là chỉ số của người
    1. Rất thông minh
    2. Ngu
    3. Thần đồng
    4. Kém
    5. Bình thường
37. Trường phái quản trị nào sử dụng các mô hình toán học để tìm giải pháp tối ưu?
    1. Qtri hành vi
    2. Qtri hệ thống
    3. Qtr định lượng
    4. Qtri khoa học
    5. Qtri phương đông
38. Hạn chế lớn nhất của quản trị khoa học cổ điển
    1. Không đề cập đến môi trường
    2. Không chú trọng đến tính hợp lý trong hành động của nhà quản trị
    3. Nguyên tắc cứng nhắc
    4. Không quan tâm đến nhu cầu xã hội của con người
    5. Tốc độ ra quyết định chậm
39. Bước thứ 4 trong tiến trình hoạch định là:
    1. Xây dựng các chiến lược dự thảo
    2. Đánh giá những điểm mạnh và điểm yếu của tổ chức
    3. Kiểm tra và đánh giá kế hoạch
    4. Triển khai kế hoạch chiến lược
    5. Triển khai kế hoạch tác nghiệp
40. Trong thập niên 1980, hai nhà lý thuyết quản trị hoa kỳ là tiến sĩ Robert H Watermanan và Thomas J Peter đã đưa ra một lý thuyết gồm 8 thuộc tính là trường phái quản trị nào?
    1. Quản trị hành vi
    2. Quản trị theo quy trình
    3. Quản trị khoa học
    4. Khuynh hướng “quản trị tuyệt hảo”
    5. Quản trị định lượng
41. Nhược điểm của thu hút ứng cử viên từ nguồn bên ngoài:
    1. Cơ hội lựa chọn lớn
    2. Có thể lựa chọn được những người có phong cách làm việc mới
    3. Có thể gây mâu thuẫn nội bộ
    4. Khả năng lầm lẫn cao
    5. Không tận dụng khả năng và phương pháp làm việc mới từ bên ngoài
42. Cơ cấu tổ chức nào cho phép hình thành các bộ phận đặc biệt để điều phối việc thực hiện những chương trình mục tiêu trong một thời gian nhất định:
    1. Cấu trúc chương trình- mục tiêu
    2. Cơ cấu theo sp, dịch vụ, khách hàng hoặc thị trường
    3. Tham mưu
    4. Trực tuyến, tham mưu
    5. Chức năng
43. Đưa ra những sản phẩm mới thâm nhập những thị trường mới là chiến lược
    1. Mở rộng thị trường
    2. Phát triển sản phẩm
    3. Thâm nhập thị trường
    4. Đa dạng hóa kinh doanh
    5. Tập trung vào khách hàng

**Câu 2: Bước thực hiện mục tiêu là bước thứ mấy trong triển khai MBO:**

A. Bước 1.

B. Bước 2.

C. Bước 3.

D. Bước 4.

E. Bước 5.

**Câu 4 : Đối tượng khách hàng thay đổi thường xuyên thì nên chọn loại cơ cấu nào :**

A. Chức năng

B. Sản phẩm

C. Tham mưu

D. Ma trận

E. Dịch vụ

**Câu 6: Môi trường kỹ thuật  thuộc loại môi trường nào sau đây:**

A. Môi trường vi mô.

B. Môi trường vĩ mô.

C. Môi trường đặc thù.

D. Môi trường nội bộ.

E. Môi trường nội bộ DN.

**Câu 7: Đặc điểm nào sau đây không thuộc phong cách lãnh đạo dân chủ:**

A. Nhân viên thích lãnh đạo hơn.

B. Không khí trong tổ chức hòa đồng.

C. Hiệu quả làm việc thấp khi không có mặt lãnh đạo.

D. Hiệu quả làm việc cao.

E. Năng suất cao.

**Câu 8: Nhà quản trị cấp cao thực hiện nhiệm vụ nào sau đây:**

A. Tạo dựng bộ máy.

B. Tổ chức, sắp xếp, giao việc.

C. Dự trù kinh phí.

D. Đề ra phương hướng của bộ.

E. Nghiên cứu nắm vững nhiệm.

**Câu 9: Có mấy yếu tố cơ bản tạo thành môi trường đặc thù :**

A. 2 yếu tố.

B. 3 yếu tố.

C. 4 yếu tố.

D. 5 yếu tố.

E. 6 yếu tố

**Câu 10:Ưu điểm của việc tuyển dụng nhân lực bên trong doanh nghiệp:**

A. Người lao động thuần nhất hơn.

B. Có khả năng hội nhập nhanh, có lòng trung thành.

C. Có nhiều động cơ làm việc.

D. Người sử dụng lao động có điều kiện huấn luyện từ đầu.

E. Nguồn ứng viên phong phú.

**Câu 11: Khách hàng có ý nghĩa quan trọng đối với doanh nghiệp, là lý do ……… của doanh nghiệp.**

A. Phát triển.

B. Tồn tại.

C. Kinh doanh.

D. Tìm kiếm lợi nhuận.

*E*. Tất cả đều đúng.

**Câu 13: Có mấy cách thực hiện để phân tích cung nhân lực:**

A. 2 Cách.

B. 3 Cách.

C. 4 Cách.

D. 5 Cách.

E. 6 Cách.

**Câu 15: Nhà khoa học nào là người khởi xướng thuyết X,Y trong trường phái quản trị hành vi:**

A. Henry Fayol.

B. Donglas Gregor.

C. Elton Mayo.

D. Mary P. Follet.

E. Max Weber.

**Câu 16: Loại cơ cấu tổ chức phù hợp với đặc điểm của tổ chức có khách hàng luôn thay đổi:**

A. Cơ cấu chức năng.

B. Cơ cấu theo khu vực địa lý

C. Cơ cấu ma trận.

D. Cơ cấu theo sản phẩm.

E. Cơ cấu trực tuyến.

**Câu 17: Trường phái quản trị định lượng được áp dụng mạnh mẽ từ những năm nào:**

A.  Năm 1911.

B. Năm 1930.

C. Năm 1945.

D. Năm 1960.

E. Năm 1980.

**Câu 18: Loại cơ cấu tổ chức phù hợp với đặc điểm của tổ chức có khách hàng đa dạng:**

A. Cơ cấu chức năng.

B. Cơ cấu theo khu vực địa lý

C. Cơ cấu ma trận.

D. Cơ cấu theo sản phẩm.

E. Cơ cấu trực tuyến.

**Câu 19: Lí thuyết quản trị bắt đầu xuất hiện từ:**

A. Đầu thế kỷ 20

B. Cuối thế kỷ 19

C. Cuối thế kỷ 16

D. Cùng với sự phát triển loại hình công ty cổ phần

E. Khi con người biết kết hợp thành tổ chức

**Câu 20: Người đặt nền móng đầu tiên cho quản trị học hiện đại?**

A. Max Weber

B. Frederick Taylor

C. Henry Fayol

D. Henry Gantt

E. Lilian Gilbreth

**Câu 22: Những đặc trưng của phong cách quản trị sáng tạo:**

A. Chiến lược kinh doanh.

B. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp.

C. Quản trị nguồn nhân lực.

D. Quản trị thông tin.

*E*. Tất cả đều đúng.

**Câu 23: Nhà quản trị cấp cơ sở thực hiện nhiệm vụ nào sau đây:**

A. Xây dựng phương pháp, tác phong làm việc.

B. Đề ra phương hướng của bộ phận.

C. Dự trù kinh phí.

D. Phân phối tài nguyên nguồn lực.

E. Xây dựng chiến lược chung.

**Câu 25: Mục tiêu chiến lược của khuynh hướng quản trị sáng tạo:**

A. Gia tăng số lượng sản phẩm, dịch vụ.

B. Phát triển về quy mô sản xuất.

C. Tạo ra những ý tưởng mới.

D. Tăng trưởng doanh số.

E. Mở rộng thị trường.

**Câu 26: Quản trị kinh doanh gồm mấy chức năng :**

A. 3 chức năng.

B. 4 chức năng.

C. 5 chức năng.

D. 6 chức năng.

E. 7 chức năng.

**Câu 27: Kỹ năng nào quan trọng nhất đối với nhà quản trị cấp cao nhất:**

A. Kỹ năng chuyên môn.

B. Kỹ năng nhân sự.

C. Kỹ năng về tư duy.

D. Kỹ năng giao tiếp.

*E*. Tất cả đều sai.

**Câu 28: Một hệ thống quản lý dựa trên những nguyên tắc, thứ bậc, sự phân công lao động rõ ràng, quy trình hoạt động của doanh nghiệp là trường phái:**

A. Quản trị kiểu thư lại.

B. Quản trị khoa học cổ điển.

C. Quản trị hành chính.

D. Quản trị tuyệt hảo.

E. Quản trị sáng tạo.

**Câu 29: Có bao nhiêu công cụ sử dụng trong quản trị chất lượng:**

A. 2.

B. 3.

C. 4.

D. 5.

E. 6.

**Câu 30: Các nhà sáng lập nhấn mạnh đến sự chuyên môn hóa lao động mạng lưới đưa ra mệnh lệnh và quyền lực đã đưa ra các nguyên tắc quản trị là trường phái:**

A. Quản trị kiểu thư lại.

B. Quản trị khoa học cổ điển.

C. Quản trị hành chính.

D. Quản trị tuyệt hảo.

E. Quản trị sáng tạo.

**Câu 31: Có mấy phương pháp dự đoán cầu nhân lực ngắn hạn:**

A. 2 Phương pháp.

B. 3 Phương pháp.

C. 4 Phương pháp.

D. 5 phương pháp.

E. 6 phương pháp.

**Câu 32: Quản trị bằng mục tiêu thuộc phương pháp quản trị:**

A. Phương pháp hành chính.

B. Phương pháp kinh tế.

C. Phương pháp tâm lý.

D. Phương pháp pháp lý.

*E*. Tất cả đều sai.

**Câu 33: Thời hạn của cầu nhân lực dài hạn là:**

A. 1 năm.

B. Trên 1 năm.

C. 2 năm.

D. 3 năm.

E. 5 năm.

**Câu 34: Hạn chế của việc tuyển dụng nhân lực bên ngoài doanh nghiệp:**

A. Hạn chế về số lượng ứng viên.

B. Gây xáo trộn về mặt tổ chức.

C. Gây hiện tượng xơ cứng.

D. Mất nhiều thời gian.

E. Giảm tính sáng tạo.

**Câu 35: Quản trị bằng trách nhiệm vật chất thuộc phương pháp quản trị:**

A. Phương pháp hành chính.

B. Phương pháp kinh tế.

C. Phương pháp tâm lý.

D. Phương pháp pháp lý.

*E*. Tất cả đều sai.

**Câu 36: Yếu tố nào sau đây thuộc nhược điểm của cấu trúc chức năng:**

A. Người cấp dưới phải phục tùng nhiều đầu mối chỉ đạo khác nhau của cùng một cơ quan quản lý cấp trên.

B. Nhân viên hiểu vai trò của đơn vị.

C. Hạn chế việc sử dụng các chuyên gia có trình độ nghiệp vụ chuyên sâu và giỏi.

D. Có thể dẫn tới sự trùng lặp cố gắng ở mỗi phân khoa nhằm giải quyết những vấn đề tương tự.

*E*. Tất cả đều đúng.

**Câu 37: Yếu tố nào sau đây không thuộc bất lợi của cơ cấu theo khu vực địa lý:**

A. Bộ máy tổ chức khá cồng kềnh.

B. Rất dễ xảy ra xung đột giữa các mục tiêu của mỗi văn phòng khu vực với các mục tiêu chung của tổ chức.

C. Không khuyến khích nhân viên phát triển những kiến thức giải quyết những vấn đề tại các khu vực khác nhau.

D. Phải đề ra nhiều quy chế và quy định để phối hợp và đảm bảo sự thống nhất giữa các bộ phận khu vực.

E. Phải nhận mệnh lệnh trái ngược nhau từ hai cấp trên.

**Câu 38: Trong nội dung khái quát quản trị nguồn nhân lực, sau khi hoạch định và dự báo nguồn nhân lực sẽ tiến hành bước:**

A. Tuyển chọn nguồn nhân lực.

B. Phân công lao động.

C. Đào tạo, huấn luyện và phát triển nhân sự.

D. Hệ thống chính sách lao động, tiền lương, thi đua.

E. Đánh giá thành tích cá nhân.

**Câu 39: Cơ cấu thường được sử dụng để đáp ứng các đe dọa và cơ hội của môi trường:**

A. Cơ cấu theo sản phẩm, dịch vụ, khách hàng hoặc thị trường.

B. Cơ cấu theo khu vực địa lý.

C. Cơ cấu tổ chức ma trận.

D. Cơ cấu chức năng.

E*.* Cơ cấu trực tuyến.

**Câu 41: Phân tích các đe dọa và cơ hội thị trường là bước thứ mấy trong tiến trình hoạch định chiến lược:**

A. Bước 2.

B. Bước 3.

C. Bước 4.

D. Bước 5.

E. Bước 6.

**Câu 42: Triển khai các kế hoạch tác nghiệp là bước thứ mấy trong tiến trình hoạch định chiến lược :**

A. Bước 2.

B. Bước 3.

C. Bước 4.

D. Bước 5.

E. Bước 6.

**Câu 43: Hạn chế của quản trị kiểu thư lại:**

A. Nguyên tắc cứng nhắc.

B. Không chú trọng đến tính hợp lý trong hành động của nhà quản trị

C. Không quan tâm đến các nhu cầu xã hội của con người

D.  Không đề cập đến môi trường

*E.* Tất cả đều sai.

**Câu 44: Sản phẩm trí tuệ của nhà quản trị nhằm buộc đối thủ nhất định phải hành động theo đúng dự kiến của mình đặt ra là:**

A. Chiến lược.

B. Bí quyết.

C. Kinh nghiệm.

D. Mưu kế.

E. Kế hoạch.

**Câu 45: Phương pháp được áp dụng trong việc phân tích sự tác động của 4 yếu tố chính trị luật pháp, kinh tế, khoa học, kỹ thuật là phương pháp:**

A. Phương pháp phân tích SWOT.

B. Phương pháp phân tích SMART.

C. Phương pháp phân tích 3C.

D. Phương pháp phân tích PEST.

E. Phương pháp phân tích 7S.

**Câu 47: Phương pháp kinh tế là phương pháp tác động vào đối tượng quản trị thông qua các lợi ích kinh tế, để …………..lựa chọn phương án có hiệu quả nhất.**

A. Đối tượng quản trị.

B. Đối tượng bị quản trị.

C. Khách thể quản trị.

D. Chủ thể quản trị.

*E*. Tất cả đều sai.

**Câu 48: Quy luật nào sau đây là quy luật tâm lý trong bán hàng:**

A. Quy luật về động cơ.

B. Quy luật thói quen tiêu dùng.

C. Quy luật về ekip làm việc.

D. Quy luật xung đột tập thể.

E. Quy luật kích thích sức mua giả tạo.

**Câu 49: Có mấy quy luật tâm lý trong bán hàng:**

A. 2 quy luật.

B. 3 quy luật.

C. 4 quy luật.

D. 5 quy luật.

E. 6 quy luật.

**Câu 50: Muốn quản trị thành công, người quản trị phải biết:**

A. Tâm lý của bản thân và người khác.

B. Năng lực của bản thân và người khác.

C. Tính cách của bản thân và người khác.

D. Trình độ của bản thân và người khác.

E. Mưu kế của bản thân và người khác.

**Câu 51: Nghệ thuật quản trị bao gồm không chỉ những kinh nghiệm thành công mà cả những …………..**

A. Kinh nghiệm kinh doanh.

B. Bài học kinh doanh.

C. Bài học thất bại.

D. Kinh nghiệm quản lý.

*E*. Tất cả đều sai.

**Câu 52: Quản trị là một hoạt động vừa mang tính ………. và vừa mang tính ………..**

A. Khoa học, hiện đại.

B. Khoa học, nghệ thuật.

C. Chuyên môn, kỹ năng.

D. Khoa học, pháp lý.

E. Khoa học, kỹ năng.

**Câu 53: Để thực hiện tốt các chức năng của mình, nhà quản trị cần phải có mấy kỹ năng cơ bản:**

A. 2 kỹ năng.

B. 3  kỹ năng.

C. 4 kỹ năng.

D. 5 kỹ năng.

E. 6  kỹ năng.

**Câu 54: Tâm lý học có vai trò gì trong quản trị:**

A. Tạo niềm tin về hiệu quả sử dụng nhân lực

B. Tạo ra lợi nhuận

C. Xâm nhập thị trường

D. Mở rộng thị phần

*E*. Tất cả đều đúng

**Câu 55: Hệ thống quản lý dựa trên những nguyên tắc, thứ bậc, sự phân công lao động rõ ràng, quy trình hoạt động của doanh nghiệp là thuộc trường phái quản trị nào?**

A. Trường phái quản trị khoa học

B. Trường phái quản trị kiểu thư lại

C. Trường phái quản trị hành chính

D. Trường phái quản trị theo tình huống

E. Trường phái quản trị truyền thống phương Đông

**Câu 56: Hệ thống lý thuyết quản trị tập trung nghiên cứu về các mối quan hệ giữa cá nhân người công nhân với máy móc trong các nhà máy là thuộc trường phái quản trị nào?**

A. Trường phái quản trị khoa học

B. Trường phái quản trị kiểu thư lại

C. Trường phái quản trị hành chính

D. Trường phái quản trị theo tình huống

E. Trường phái quản trị truyền thống phương Đông

**Câu 57:  Lý thuyết quản trị kiểu thư lại của Max Weber:**

A. Đưa ra một quy trình về cách điều hành một tổ chức

B. Nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả và cắt giảm sự lãng phí

C. Nhấn mạnh đến sự chuyên môn hóa lao động

D. Giúp các nhà quản trị thấy rõ mối quan hệ tương tác giữa các yếu tố thành phần trong một tổ chức thống nhất

E. Căn cứ vào từng tình huống cụ thể để lựa chọn và sử dụng những nguyên tắc quản trị  phù hợp

**Câu 58: Trường phái quản trị hành chính của Fayol  bao gồm bao nhiêu nguyên tắc quản trị?**

A. 10

B. 12

C. 14

D. 15

E. 16

**Câu 60: Quản trị con người dựa vào mối quan hệ tổ chức của hệ thống quản trị và kỷ luật của hệ thống là phương pháp quản trị nào:**

A. Phương pháp hành chính

B. Phương pháp kinh tế

C. Phương pháp tâm lý

D. Phương pháp pháp lý

E. Phương pháp xã hội học

**Câu 61: Các phương pháp quản trị là tổng thể các cách thức tác động có thể và chủ đích của chủ thể quản trị lên … và khách thể quản trị để đạt được mục tiêu đề ra.**

A. Chủ thể quản trị

B. Đối tượng quản trị

C. Cấp dưới

D. Môi trường

E. Thị trường

**Câu 62: Cơ cấu dẫn đến sự trùng lặp cố gắng ở mỗi phân khoa nhằm giải quyết các vấn đề tương tự là nhược điểm của cấu trúc tổ chức doanh nghiệp nào :**

A. Chức năng

B. Trực tuyến

C. Tham mưu

D. Trực tuyến-chức năng

E. Sản phẩm, dịch vụ

**Câu 65 : Lý thuyết quản trị định lượng có mấy đặc trưng cơ bản:**

A. 2 đặc trưng.

B. 3 đặc trưng.

C. 4 đặc trưng.

D. 5 đặc trưng.

E. 6 đặc trưng.

**Câu 66: Hạn chế của phương pháp triển khai mục tiêu từ cấp công ty đến cấp bộ phận:**

A. Không khuyến khích các bộ phận tham gia hoạch định mục tiêu.

B. Kết quả không phù hợp với mong muốn ban giám đốc.

C. Tốn kém chi phí.

D. Chậm về mặt thời gian.

E. Khó chấp hành mệnh lệnh.

**Câu 67: Nội dung dự thảo mục tiêu cấp cao là bước mấy trong triển khai MBO:**

A. Bước 1.

B. Bước 2.

C. Bước 3.

D. Bước 4.

E. Bước 5.

**Câu 68: Có bao nhiêu phương pháp triển khai một mục tiêu doanh nghiệp:**

A. 1 phương pháp.

B. 2 phương pháp.

C. 3 phương pháp.

D. 4 phương pháp.

E. 5 phương pháp.

**Câu 69: Đặc điểm nào không thuộc nhược điểm của nguồn tuyển dụng bên trong doanh nghiệp:**

A. Hạn chế về số lượng, chất lượng ứng viên.

B. Chi phí tuyển dụng cao.

C. Gây xáo trộn về mặt tổ chức.

D. Gây hiện tượng xơ cứng, giảm tính sáng tạo.

E. Hình thành nhóm nhân sự không thành công, chán nản, bi quan, có hành vi tiêu cực.

**Câu 70: Mô hình giá trị IMC phân tích những yếu tố nào sau đây:**

A. Tài sản cố định, tài chính, con người, công nghệ, thương hiệu.

B. Tài sản cố định, xã hội, công nghệ, thương hiệu, R & D.

C. Con người, máy móc, tài chính, thương hiệu, marketing.

D. Xã hội, tự nhiên, con người, thiết bị, công nghệ.

*E*. Tất cả đều sai.

**Câu 72: Đặc điểm nào không thuộc ưu điểm của nguồn tuyển dụng bên ngoài doanh nghiệp:**

A. Nguồn ứng viên phong phú.

B. Môi trường làm việc mới mẻ.

C. Tạo cơ hội thăng tiến.

D. Người lao động thuần nhất hơn, người sử dụng lao động có điều kiện huấn luyện từ đầu.

E. Lao động mới thường có nhiều động cơ làm việc.

**Câu 77: Khuynh hướng quản trị tuyệt hảo ra đời vào những năm nào:**

A. 1960.

B. 1980.

C. 1911.

D. 1930.

E. 1945.

**Câu 78: Trọng tâm của khuynh hướng quản trị theo quá trình:**

A. Công nghệ.

B. Các thành viên của tổ chức.

C. Hệ thống tổ chức.

D. Công nhân.

E. Khách hàng.

**Câu 21: Chiến lược đưa ra những sản phẩm mới thâm nhập những thị trường mới là chiến lược:**

A. Chiến lược thâm nhập thị trường.

B. Chiến lược mở rộng thị trường.

C. Chiến lược phát triển sản phẩm.

D. Chiến lược đa dạng hóa kinh doanh.

E. Chiến lược người tiêu dùng mới.

**Câu 37: Hạn chế của việc tuyển dụng nhân lực bên ngoài doanh nghiệp:**

A. Hình thành nhóm nhân sự chán nản, bi quan, có hành vi tiêu cực.

B. Hạn chế về chất lượng ứng viên.

C. Gây xáo trộn về mặt tổ chức.

D. Gây hiện tượng xơ cứng.

E. Chi phí tuyển dụng cao.

**Câu 71: Triển khai kế hoạch chiến lược là bước mấy trong tiến trình hoạch định chiến lược:**

A. Bước 4.

B. Bước 5.

C. Bước 6.

D. Bước 7.

E. Bước 8.

**Câu 79: Nhà quản trị sử dụng phương pháp lãnh đạo nào sau đây để hướng những quyết định đến các mục tiêu phù hợp với trình độ nhận thức, tâm lý, tình cảm của con người:**

A. Phương pháp phân quyền.

B. Phương pháp hành chính.

C. Phương pháp tổ chức giáo dục.

D. Phương pháp tâm lý xã hội.

E. Phương pháp kinh tế.

**Câu 80: Trong trường phái quản trị khoa học, ai là người đưa ra lý thuyết nâng cao năng suất lao động bằng cách giảm các thao tác thừa:**

A. Henry L. Gant.

B. Ông bà Gibreth.

C. Frederick Winslow Taylor.

D. Elton Mayo.

E. Gulick.

**Câu 1: Nhà khoa học tiên phong sáng lập ra trường phái quản trị hành vi là ai:**

A. Henry Fayol.

B. Max Weber.

C. Hugo Musterberg.

D. Herry L. Gant.

E. Elton Mayo.

**Câu 8 : Khi năng lực doanh nghiệp hoạt động tốt trở thành trung tâm của khả năng cạnh tranh và lợi nhuận của công ty gọi là :**

A. Năng lực nòng cốt.

B. Năng lực vượt trội.

C. Năng lực tài chính.

D. Năng lực nhân sự.

E. Năng lực marketing.

**Câu 12: Trường phái quản trị phương đông chú trọng vào yếu tố nào sau đây :**

A. Tài sản cố định.

B. Con người.

C. Tài chính.

D. Văn hóa doanh nghiệp.

E. Sản xuất.

**Câu 14: Loại cơ cấu tổ chức phù hợp với đặc điểm của tổ chức có các chi phí vận chuyển nguyên vật liệu cao:**

A. Cơ cấu chức năng.

B. Cơ cấu theo khu vực địa lý .

C. Cơ cấu ma trận.

D. Cơ cấu theo sản phẩm.

E. Cơ cấu trực tuyến.

**Câu 16: Phương pháp quản trị không bao gồm phương pháp nào sau đây?**

A. Phương pháp hành chính

B. Phương pháp kinh tế

C. Phương pháp tâm lý

D. Phương pháp thể chế

E. Phương pháp pháp lý

**Câu 18: Đối thủ cạnh tranh thuộc loại môi trường nào sau đây:**

A. Môi trường vi mô.

B. Môi trường vĩ mô.

C. Môi trường nội bộ.

D. Môi trường đặc thù.

E. Môi trường kinh tế.

**Câu 23: A trong phương pháp phân tích SMART có nghĩa là:**

A. Mục tiêu phải rõ ràng.

B. Mục tiêu đo lường được.

C. Mục tiêu có thể đạt được.

D. Mục tiêu phải thực tế.

E. Mục tiêu có thời hạn.

**Câu 25: Đặc điểm: định rõ các chức năng quản trị, phân công lao động, hệ thống cấp bậc, quyền lực, công bằng là của trường phái quản trị nào sau đây?**

A. Trường phái quản trị khoa học

B. Trường phái quản trị kiểu thư lại

C. Trường phái quản trị hành chính

D. Trường phái quản trị theo tình huống

E. Trường phái quản trị hành vi

**Câu 26: Trong chiến lược mở rộng thị trường có bao nhiêu phương pháp cơ bản:**

A. 1 phương pháp.

B. 2 phương pháp.

C. 3 phương pháp.

D. 4 phương pháp.

E. 5 phương pháp.

**Câu 27: Trọng tâm của trường phái quản trị khoa học là**?

A. Hệ thống tổ chức

B. Công nhân

C. Nhà quản trị

D. Lãnh đạo

E. Nhân viên

**Câu 28: Chiến lược tìm kiếm cơ hội phát triển trong các thị trường mà doanh nghiệp đang hoạt động với những hàng hóa hay dịch vụ hiện có gọi là:**

A. Chiến lược thâm nhập thị trường.

B. Chiến lược mở rộng thị trường.

C. Chiến lược phát triển sản phẩm.

D. Chiến lược đa dạng hóa kinh doanh.

E. Chiến lược người tiêu dùng mới.

**Câu 29: Trọng tâm của trường phái quản trị hành chính là?**

A. Hệ thống tổ chức

B. Công nhân

C. Nhà quản trị

D. Khách hàng

E. Chính quyền

**Câu 30:Đối tượng chủ yếu của quản trị?**

A. Phương thức kinh doanh

B. Nguyên vật liệu

C. Kho tàng máy móc

D. Tập thể con người

E. Cách giao tiếp, ứng xử

**Câu 31: Nghệ thuật quản trị được thể hiện trong một số lĩnh vực sau, ngoại trừ:**

A. Nghệ thuật sử dụng người

B. Nghệ thuật giao tiếp

C. Nghệ thuật sử dụng thời gian

D. Nghệ thuật tư duy hình ảnh

E. Nghệ thuật cạnh tranh trong sản xuất kinh doanh

**Câu 32: Mối liên hệ bản chất, tất nhiên, phổ biến, bền vững, lặp đi lặp lại của các hiện tượng kinh tế trong những điều kiện nhất định, gọi là:**

A. Quy luật xã hội

B. Quy luật quản trị

C. Quy luật kinh tế

D. Quy luật thị trường

E. Quy luật tâm lý

**Câu 35: Có bao nhiêu yếu tố ảnh hưởng đến kế hoạch hóa nguồn nhân lực:**

A. 2 yếu tố.

B. 3 yếu tố.

C. 4 yếu tố.

D. 5 yếu tố.

E. 6 yếu tố.

**Câu 46: Quản trị bằng định mức thuộc phương pháp quản trị :**

A. Phương pháp hành chính.

B. Phương pháp kinh tế.

C. Phương pháp tâm lý.

D. Phương pháp pháp lý.

E. Phương pháp nhân sự.

**Câu 47: Phương pháp quản trị tác động vào nhận thức và tình cảm của con người lao động nhằm nâng cao tính tự giác nhiệt tình của họ trong việc thực hiện nhiệm vụ:**

A. Phương pháp hành chính.

B. Phương pháp kinh tế.

C. Phương pháp tâm lý.

D. Phương pháp pháp lý.

E. Phương pháp đào tạo.

**Câu 49: Hạn chế của việc tuyển dụng nhân lực bên ngoài doanh nghiệp:**

A. Hạn chế về chất lượng ứng viên.

B. Gây xáo trộn về mặt tổ chức.

C. Gây hiện tượng xơ cứng.

D. Giảm tính sáng tạo.

E. Mất nhiều thời gian.

**Câu 55: Triển khai các kế hoạch chiến lược là bước thứ mấy trong tiến trình hoạch định chiến lược :**

A. Bước 2.

B. Bước 3.

C. Bước 4.

D. Bước 5.

E. Bước 6.

**Câu 60: Các trường phái quản trị cổ điển ra đời vào giai đoạn:**

A. Cuối thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19.

B. Cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20.

C. Cuối thế kỷ 18.

D. Cuối thế kỷ 19.

E. Đầu thế kỷ 20.

**Câu 63: Đặc điểm các quy luật kinh tế…………… và hoạt động thông qua các hoạt động của con người.**

A. Phát triển.

B. Thay đổi.

C. Tồn tại.

D. Phổ biến.

E. Bền vững.

**Câu 64: Nhà quản trị cấp cao thực hiện nhiệm vụ nào sau đây:**

A. Tạo dựng bộ máy.

B. Tổ chức, sắp xếp giao việc.

C. Dự trù kinh phí.

D. Đề ra phương hướng của bộ phận.

E. Nghiên cứu nắm vững nhiệm vụ.

**Câu 65: Tính khoa học đòi hỏi việc quản trị cần sử dụng các kỹ thuật quản trị nào:**

A. Kỹ thuật quản trị theo mục tiêu.

B. Kỹ thuật lập kế hoach.

C. Kỹ thuật phát triển tổ chức.

D. Kỹ thuật lập ngân quỹ.

*E.* Tất cả đều đúng.

**Câu 66: Quản trị kiểu khoa học có thuận lợi:**

A. Năng suất, hiệu quả.

B. Ổn định., hiệu quả.

C. Cơ cấu rõ ràng.

D. Đảm bảo nguyên tắc.

*E.* Tất cả đều sai.

**Câu 2:** Đặc điểm nào sau đây không thuộc phong cách lãnh đạo độc đoán

A. Nhân viên ít thích lãnh đạo.

B. Hiệu quả làm việc cao khi có mặt lãnh đạo.

**C. Không khí trong tổ chức gây hấn, phụ thuộc cá nhân**.

D. Người lãnh đạo vắng mặt thường xuyên.

E. Hiệu quả làm việc thấp khi không có mặt lãnh đạo.

**Câu 3:** Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của tổ chức là bước thứ mấy trong tiến trình hoạch định chiến lược:

**A. Bước 3.** B. Bước 4. C. Bước 5. D. Bước 2. E. Bước 6.

**Câu 6:** Quản trị con người phải dùng ân và dùng uy là phương pháp quản trị nào:

A. Phương pháp xã hội học. B. Phương pháo kinh tế.

**C. Phương pháp hành chính**. D. Phương pháp tâm lý.

E. Phương pháp pháp lý.

**Câu 10:** R trong phương pháp phân tích SMART có nghĩa là:

A. Mục tiêu phải rõ ràng. B. Mục tiêu đo lường được.

C. Mục tiêu có thể đạt được. D. Mục tiêu có thời hạn.

**E. Mục tiêu thực tế.**

**Câu 15:** Hoạch định là chức năng cơ bản và quan trọng của nhà quản trị kinh doanh, đặc biệt của nhà quản trị:

**A. Nhà quản trị cấp cao.** B. Nhà quản trị cấp giữa.

C. Nhà quản trị cấp cơ sở. D. Người lao động trực tiếp.

E. Tất cả đều sai.

**Câu 22:** Kỹ năng nào là quan trọng nhất đối với nhà quản trị cấp cơ sở:

**A. Kỹ năng chuyên môn.** B. Kỹ năng nhân sự.

C. Kỹ năng tư duy.

D. Kỹ năng giao tiếp. E. Tất cả đều sai.

**Câu 25:** Triển khai kế hoạch tác nghiệp là bước mấy trong tiến trình hoạch định chiến lược:

A. Bước 4. B. Bước 5. **C. Bước 6.** D. Bước 7. E. Bước 8.

**Câu 30:** Một trong các phương pháp phân tích của quản trị học nhằm đánh giá mục tiêu, chiến lược là phương pháp:

A. Phương pháp phân tích SWOT. B. Phương pháp phân tích 7S.

C. Phương pháp phân tích 3C. D. Phương pháp phân tích PEST.

**E. Phương pháp phân tích SMART.**

**Câu 32:** Nhà quản trị cấp cơ sở thực hiện nhiệm vụ nào sau đây:

A. Dự trù kinh phí. B. Đề ra phương pháp của bộ phận.

C. Xây dựng chiến lược chung. D. Xây dựng phương pháp, tác phong làm việc.

E**. Phân phối tài nguyên, nguồn lực.**

**Câu 34:** Có bao nhiêu hình thức phân quyền trong phương pháp phân quyền của nhà quản trị:

A. 2 hình thức. B. 3 hình thức. C. 4 hình thức. D. 5 hình thức. E. 6 hình thức.

**Câu 35:** Quản trị bằng phương pháp kinh tế theo mấy hướng:

A. 2.  **B. 3.**  C. 4. D. 5. E. 6.

**Câu 37:** Có mấy quy luật tâm lý trong doanh nghiệp:

A. 3. B. 2. C. 6. **D. 4.** E. 5.

**Câu 38:** Chức năng nào sau đây là chức năng cơ bản và quan trọng nhất của nhà quản trị cấp cao:

A. Tổ chức. B. Chuyên môn. C. Hoạch định. D. Kiểm soát. E. Lãmh đạo.

**Câu 43:** Nhà quản trị sử dụng phong cách lãnh đạo dân chủ với nhân viên có đặc tính sau:

A. Hay có đầu óc cá nhân chủ nghĩa B. Có lối sống tập thể

C. Kém tính sáng tạo D. Không có tính tự chủ

E. Những người ưa chống đối

**Câu 45:** Hạn chế của quản trị kiểu hành chính ( thuộc các trường phái quản trị🡪 ko học)

A. Không đề cập đến môi trường B. Nguyên tắc cứng nhắc

C. Không quan tâm đến các nhu cầu xã hội của con người

D. Tốc độ ra quyết định chậm E. Tất cả đều sai

**Câu 46:** Phương pháp thường xuyên được cập nhật và được các công ty áp dụng trong quá trình xác định chiến lược, mục tiêu, chính sách của công ty là phương pháp

A. Phương pháp phân tích SWOT B. Phương pháp phân tích SMART

**C. Phương pháp phân tích 3C**  D. Phương pháp phân tích PEST

E. Phương pháp phân tích 7S

**Câu 47:** Mô hình phân tích SWOT thường đưa ra mấy chiến lược cơ bản:

A. 3 chiến lược **B. 4 chiến lược** C. 5 chiến lược D. 7 chiến lược E. 6 chiến lược

**Câu 54:** Nhà quản trị cấp trung gian thực hiện nhiệm vụ nào sau đây☹coi lại

A. Phân phối tài nguyên, nguồn lực B. Báo cáo công việc và xin hỗ trợ kịp thời

C. Đề ra phương hướng của bộ phận D. Tạo dựng bộ máy

E. Xây dựng chiến lược chung

**Câu 55:** Hiệu quả công việc khi sử dụng phương pháp quản lý theo mục tiêu:

A. Kiểm soát được công việc chi tiết **B. Đảm bảo theo mục tiêu đề ra**

C. Làm việc đúng D. Thuận lợi cho công việc, khó xác định mục tiêu

E. Thể hiện được vai trò của nhà quản trị cấp cơ sở

**Câu 57:** T trong phương pháp phân tích SMART có nghĩa là:

A. Mục tiêu phải rõ ràng B. Mục tiêu có thời hạn C. Mục tiêu đo lường được

D. Mục tiêu phải thực tế E. Mục tiêu có thể đạt được

**Câu 59:** Triển khai các kế hoạch chiến lược là bước thứ mấy trong tiến trình hoạch định chiến lược:

A. Bước 5 B. Bước 4 C. Bước 6 D. Bước 2 E. Bước 3

**Câu 75:** Hạn chế của phương pháp phân tích SWOT, ngoại trừ:

A. Nhiều mục tiêu có thể bị trung hòa hay nhầm lẫn giữa 2 thái cực SW và OT

B. Cung cấp một công cụ phân tích chiến lược, rà soát và đánh giá vị trí, định hướng của một công ty hay của một đề án kinh doanh

C. Chỉ đưa ra những phác họa có tính chất định hướng

D. Chỉ là công đoạn đầu tiên trong quá trình hình thành chiến lược của doanh nghiệp

E. Phụ thuộc nhiều vào quá trình đánh giá, trình độ tư duy và chủ quan của người đánh giá

**Câu 78:** Hai nguyên nhân chính yếu đòi hỏi các nhà quản trị phải tiến hành các hoạt động hoạch định là … và môi trường kinh doanh luôn thay đổi

A. Nguồn tài nguyên hạn chế B. Cạnh tranh trên thị trường C. Nguồn nhân lực kém

D. Nguồn vốn hạn chế E. Tất cả đều sai